



HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH TÀI NGUYÊN DOANH NGHIỆP ERP (Enterprise Resource Planning)

Bài 12

Thực hành xây dựng một số chức năng trong phân hệ “Quản trị nguồn nhân lực”

Giảng viên: TS. Chu Thị Hồng Hải

MỤC TIÊU

- Hiểu được các chức năng nhiệm vụ của phân hệ “Quản trị nguồn nhân lực”
- Xác định được các Danh mục, dữ liệu cần thiết phục vụ cho nhiệm vụ của phân hệ “Quản trị nguồn nhân lực”
- Xây dựng được một số biểu mẫu trong phân hệ “Quản trị nguồn nhân lực”

- Xác định các chức năng cần phân tích trong phân hệ QTNNL
- Xác định các Danh mục, thuộc tính và các mối quan hệ
- Thực hành xây dựng biểu mẫu cho các Danh mục đã đề cập ở phần trên

Chức năng lưu trữ hồ sơ nhân viên

(Lưu trữ đa dạng kiểu liên hệ)

Chức năng tính lương nhân viên theo giờ làm việc

☐ Chức năng lưu trữ hồ sơ nhân viên



❑ **Nhiệm vụ:**

- Lưu trữ thông tin cơ bản của nhân viên
- Lưu trữ đa dạng kiểu liên hệ (email, fax, Viber, WhatsApp, Zalo) với số liên hệ không giới hạn

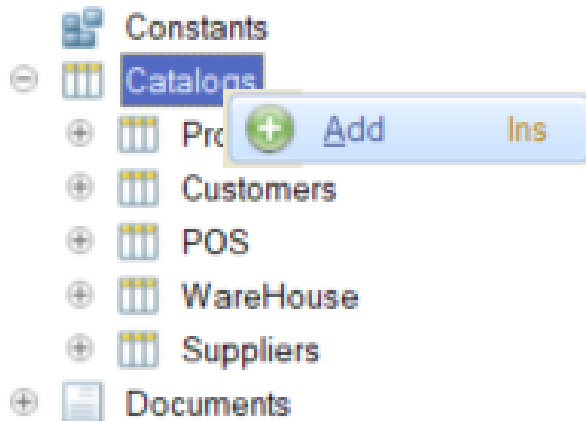
❑ **Các bước thực hiện**

- Tạo Catalog Staff để lưu trữ hồ sơ nhân viên.
- Tạo Tabular Section có tên Contact để lưu trữ thông tin nhân viên không giới hạn.



Bước 1:

- Tạo Catalog Staff để lưu trữ hồ sơ nhân viên.




- Tạo các thuộc tính của Catalog Staff



- Chạy chương trình có kết quả như hình dưới/ Nhập thử dữ liệu vào hệ thống

Customers Luán chuyển hàng hóa nội bộ POS Products Purchases Sales Staffs Suppliers Ware house Reports ▾

← → ☆ Staffs

Create 

Description	Code	Phone

Staffs (create) *


Save and close Save More actions ▾

Code:

Description:

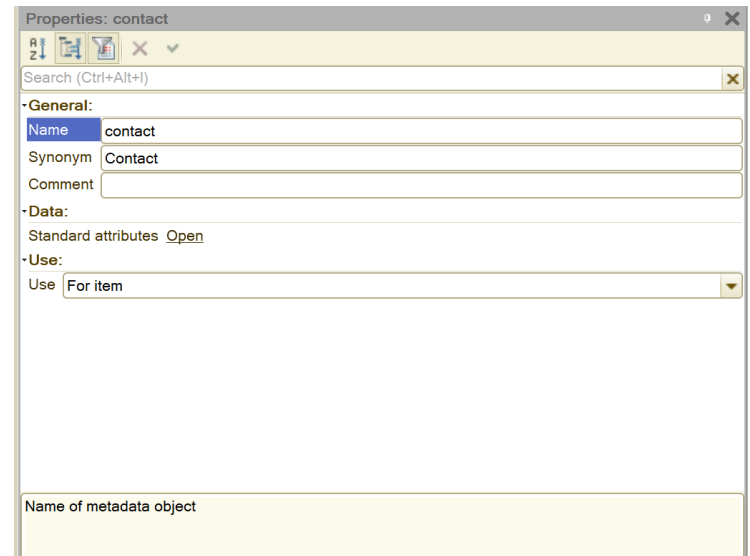
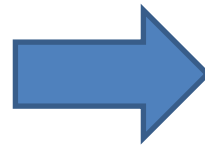
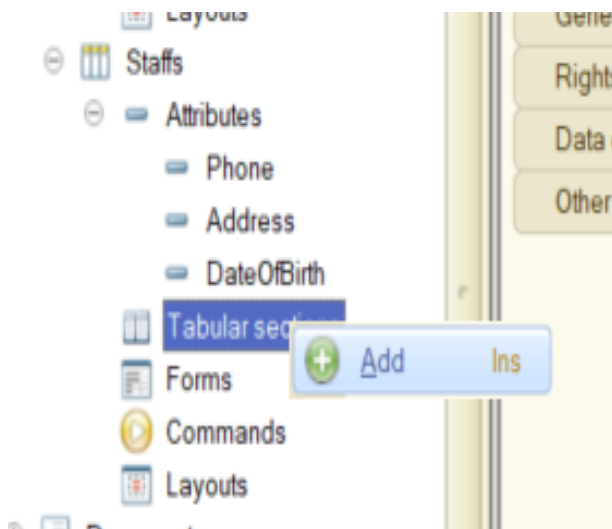
Phone:

Address:

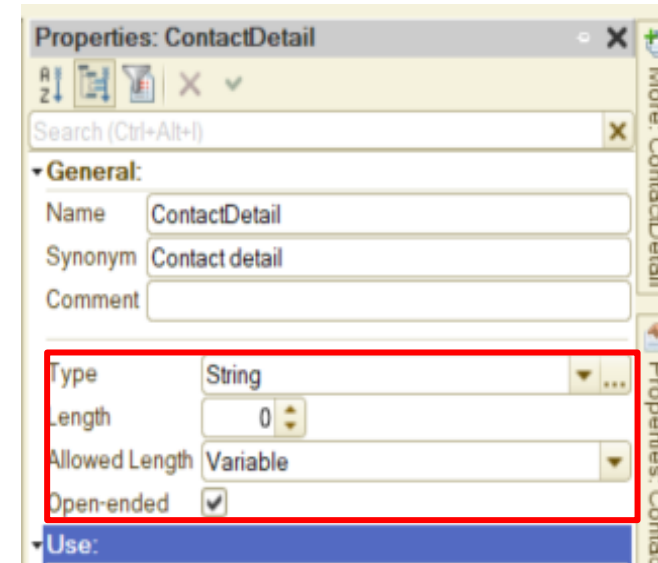
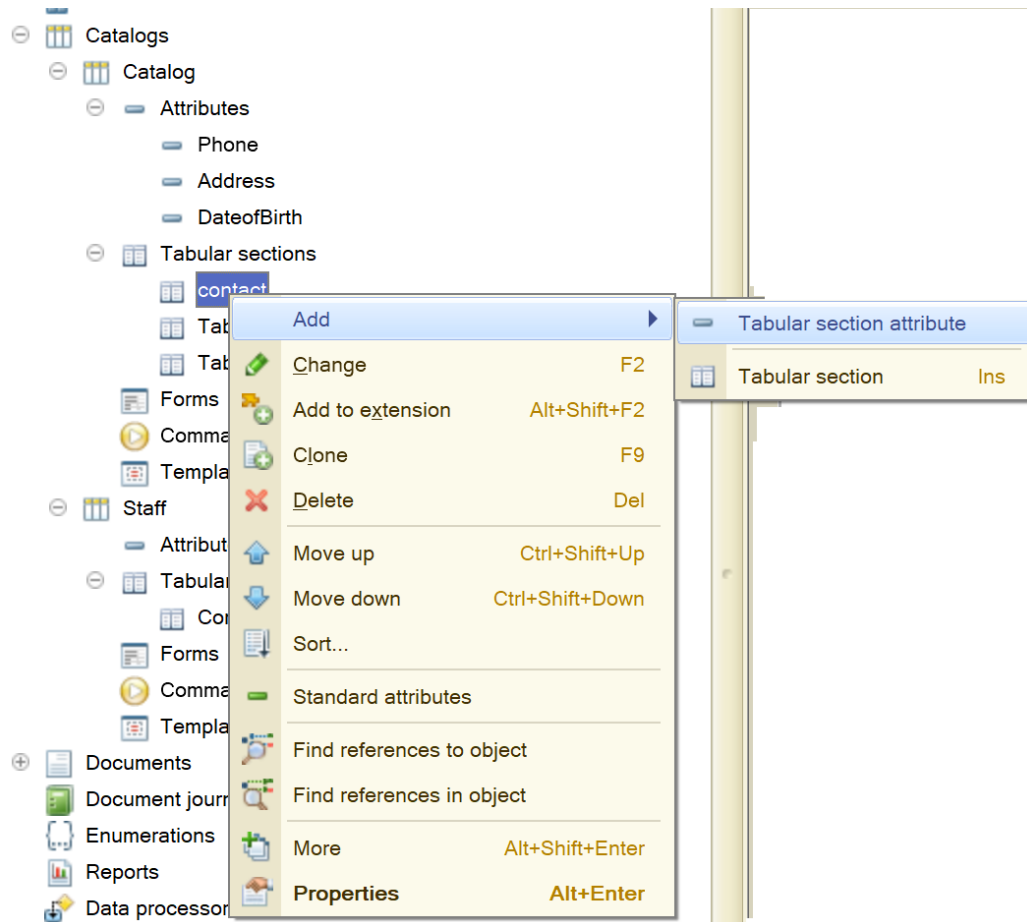
Date of birth: 

Bước 2

- Tạo Tabular Section có tên Contact để lưu trữ thông tin nhân viên không giới hạn



Tạo thuộc tính cho Contact



Thiết lập các thông số



CHỨC NĂNG LƯU TRỮ HỒ SƠ NHÂN VIÊN

- Chạy chương trình có kết quả như mong muốn:

The screenshot displays the 'Staffs' management interface in the ERPSimple system. The top window shows a detailed view of a staff member's record for Nguyễn Văn Hương, with fields for Code, Description, Phone, Address, and Date of birth. Below this is a table of contact details. The bottom window shows a list view of staff members, with the same record highlighted.

Staff Record Detail:

☆ Nguyễn Văn Hương (Staffs) *

Save and close Save More actions -

Code: 000000001

Description: Nguyễn Văn Hương

Phone: +084-884-587-7484

Address: Số 43 Đông Tác

Date of birth: 8/14/1991

Add ↑ ↓ Search (Ctrl+F) × More actions -

#	Contact type	Contact detail
1	Email	hoan@gmail.com

ERP Interface:

ERPSimple (1C:Enterprise) Search Ctrl+Shift+F

Contact type Customers Luân chuyển hàng hóa nội bộ POS Products Purchases Sales More actions - Reports -

← → ☆ Staffs

Create + Search (Ctrl+F) × 🔍 - More actions -

Description ↓	Code	Phone	Address	Date of birth
Nguyễn Văn Hương	000000001	+084-884-587-7484	Số 43 Đông Tác	8/14/1991

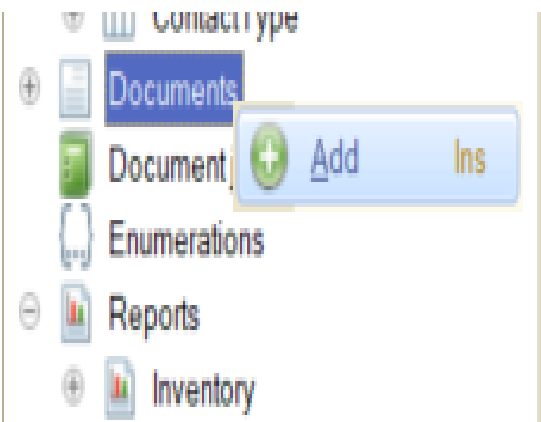
❑ CHỨC NĂNG TÍNH LƯƠNG NHÂN VIÊN THEO GIỜ LÀM VIỆC



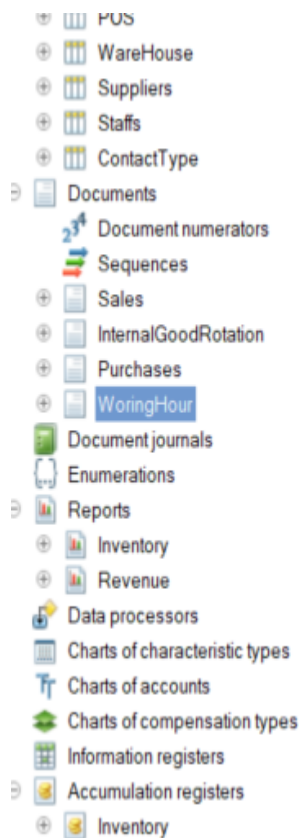
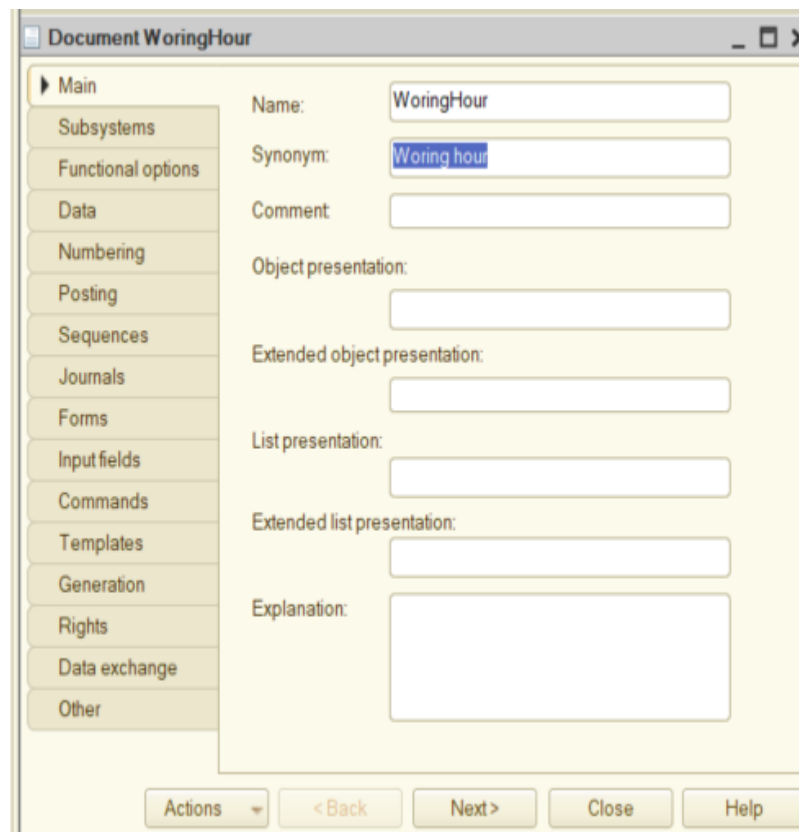
Phần trước đã hoàn thành xong Biểu mẫu về quản lý nhân sự, để tính lương cho nhân viên thực hiện các bước sau:

- B1. Tạo chứng từ ghi nhận giờ làm việc của nhân viên
- B2. Tạo một biểu ghi tích lũy để tính toán tiền lương
- B3. Tạo báo cáo StaffSalary

B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên



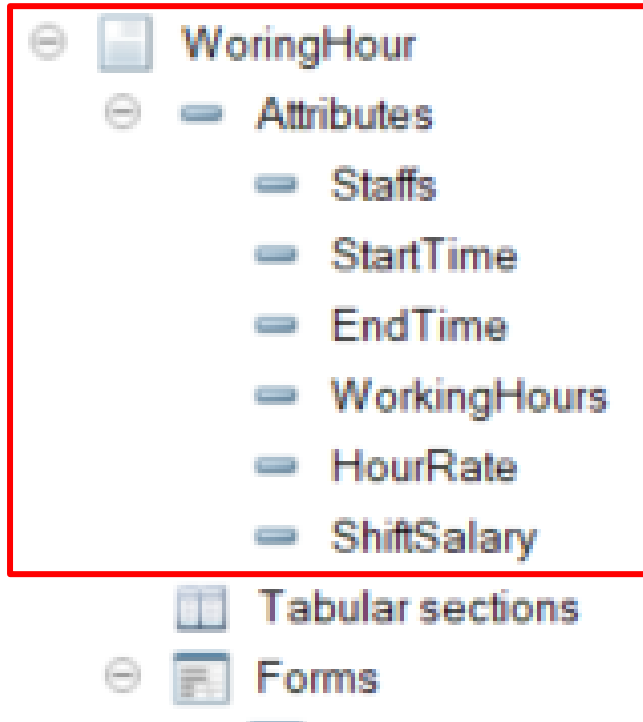
Tạo một chứng từ mới Có tên WorkingHours

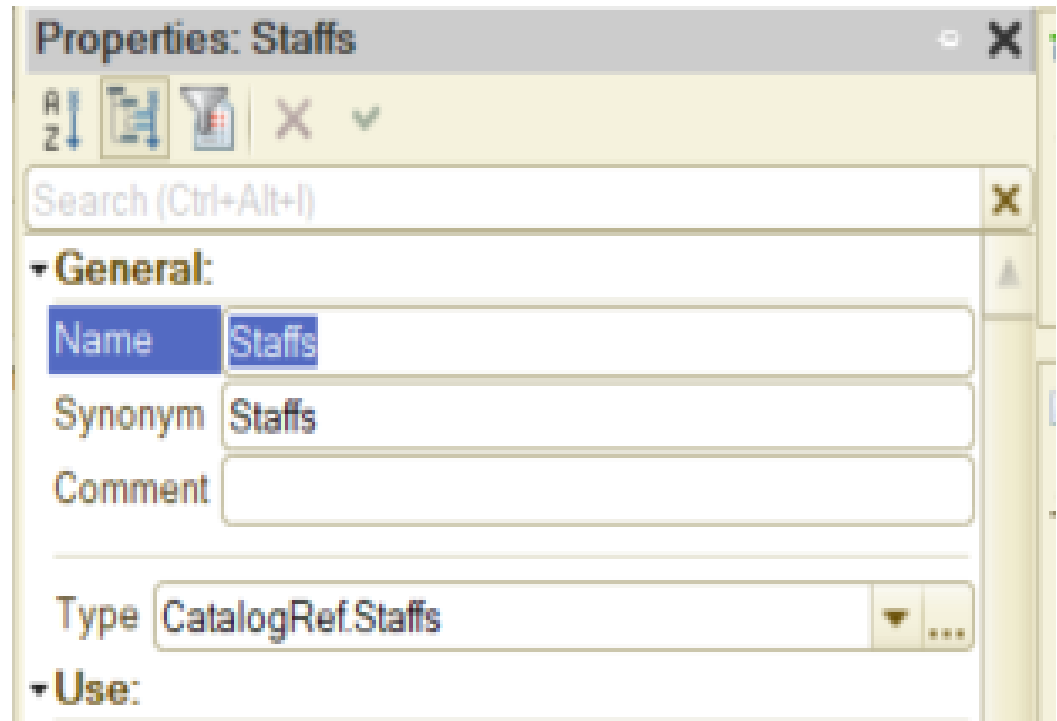
A screenshot of the 'Document WoringHour' configuration window. The window has a title bar with the text 'Document WoringHour' and standard window controls. The main area is divided into two columns. The left column contains a list of configuration categories: Main, Subsystems, Functional options, Data, Numbering, Posting, Sequences, Journals, Forms, Input fields, Commands, Templates, Generation, Rights, Data exchange, and Other. The right column contains input fields for each category: Name (WoringHour), Synonym (Woring hour), Comment, Object presentation, Extended object presentation, List presentation, Extended list presentation, and Explanation. At the bottom of the window, there are buttons for 'Actions', '< Back', 'Next >', 'Close', and 'Help'.

B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Tạo thuộc tính cho WorkingHours: Staffs, StartTime, EndTime, WorkingHours, HourRate, ShiftSalary.



Staffs (nhân viên) có kiểu dữ liệu trở vào Catalog Staffs



Properties: Staffs

Search (Ctrl+Alt+I)

General:

Name: Staffs

Synonym: Staffs

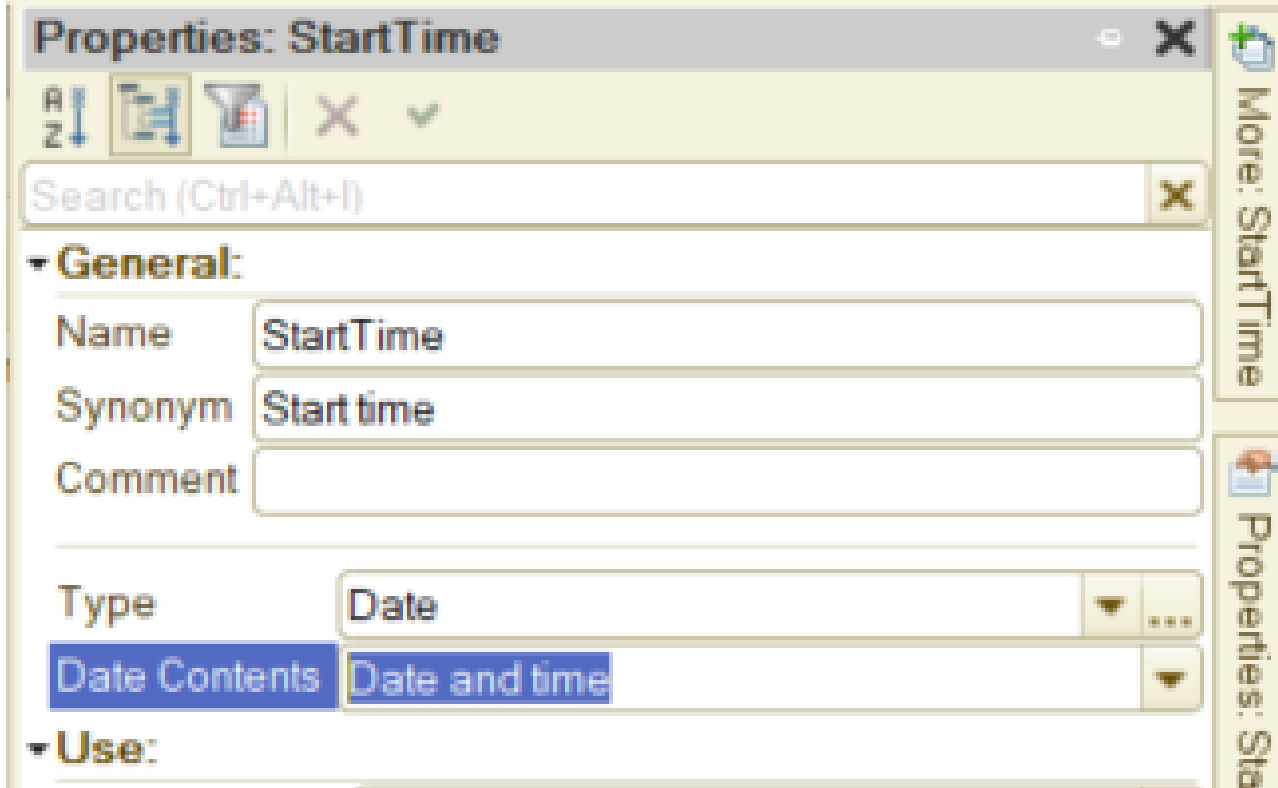
Comment:

Type: CatalogRef.Staffs

Use:

B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Mục tin StartTime có kiểu dữ liệu Date và Kiểu hiển thị nội dung là Date and time



Properties: StartTime

Search (Ctrl+Alt+I)

General:

Name: StartTime

Synonym: Start time

Comment:

Type: Date

Date Contents: Date and time

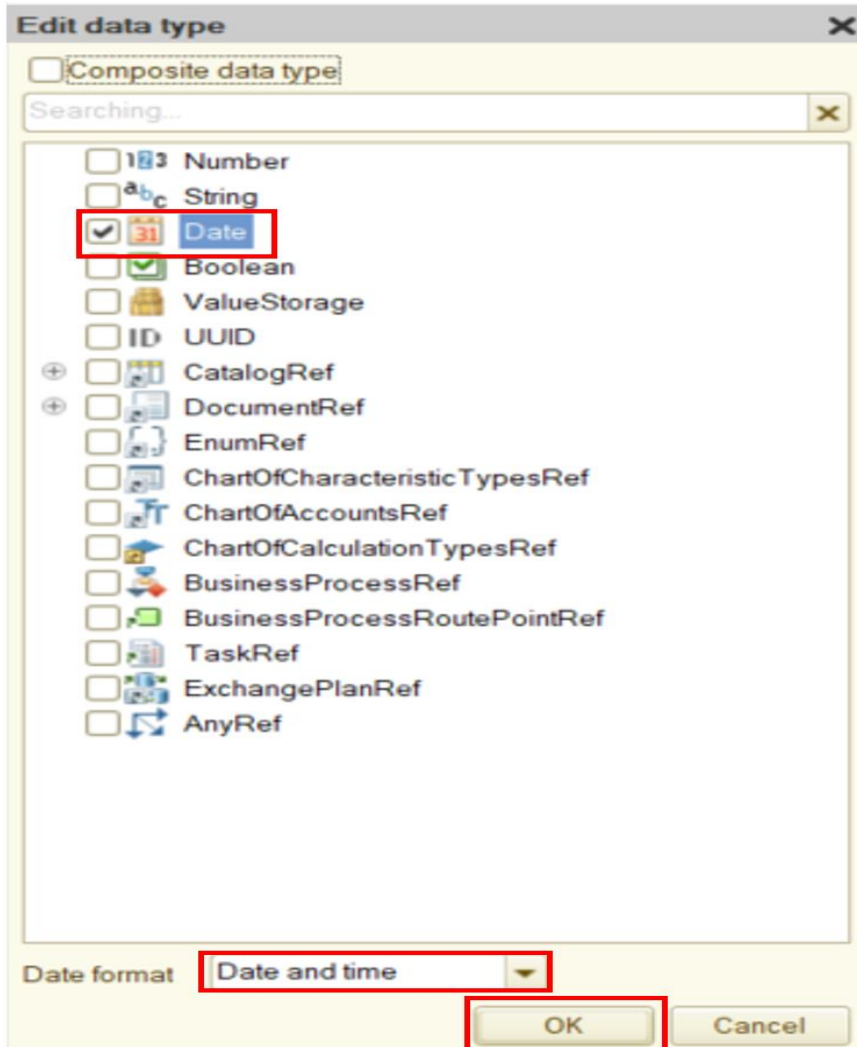
Use:

More: StartTime

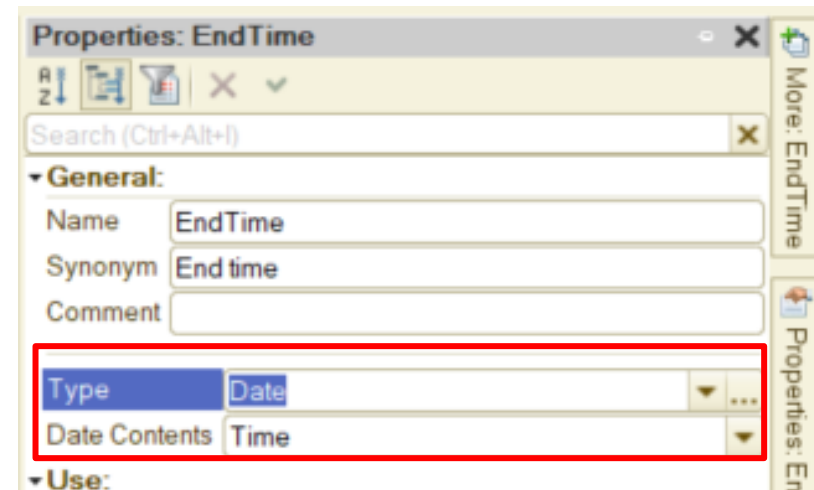
Properties: Sta

B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Lựa chọn như hình dưới đây:

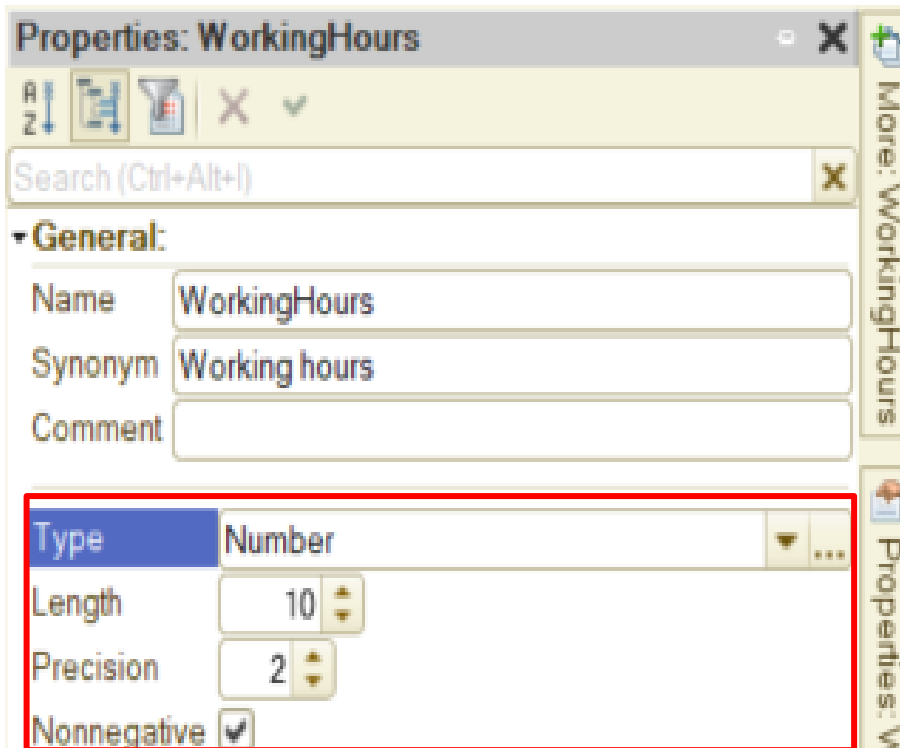


Làm tương tự với kiểu dữ liệu của mục tin EndTime



B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Kiểu dữ liệu của WorkingHours (số giờ làm việc) để kiểu Number, không âm



Properties: WorkingHours

Search (Ctrl+Alt+I)

General:

Name: WorkingHours

Synonym: Working hours

Comment:

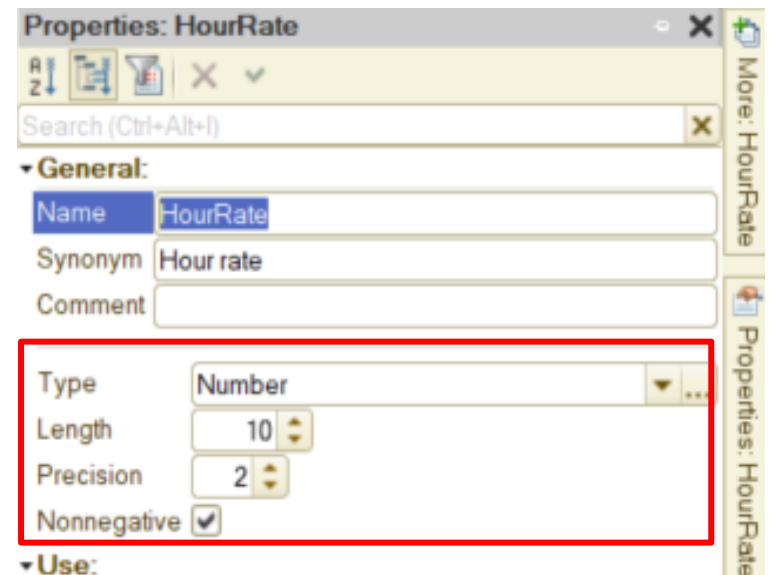
Type: Number

Length: 10

Precision: 2

Nonnegative:

Kiểu dữ liệu của HourRate (lương theo giờ) chúng ta cũng để kiểu Number, không âm



Properties: HourRate

Search (Ctrl+Alt+I)

General:

Name: HourRate

Synonym: Hour rate

Comment:

Type: Number

Length: 10

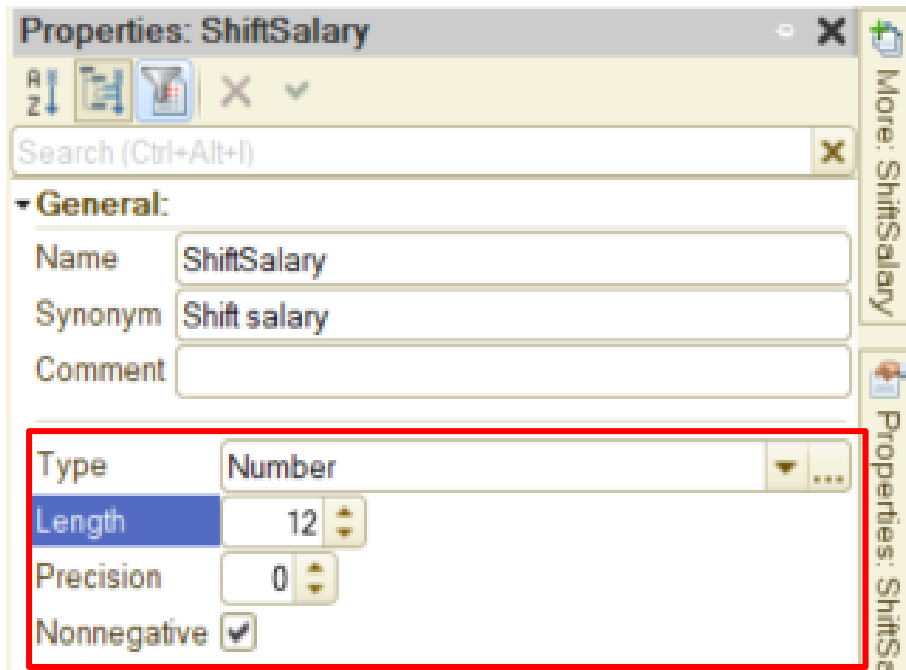
Precision: 2

Nonnegative:

Use:

B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Cũng làm tương tự với mục tin
ShiftSalary



Properties: ShiftSalary

Search (Ctrl+Alt+I)

General:

Name: ShiftSalary

Synonym: Shift salary

Comment:

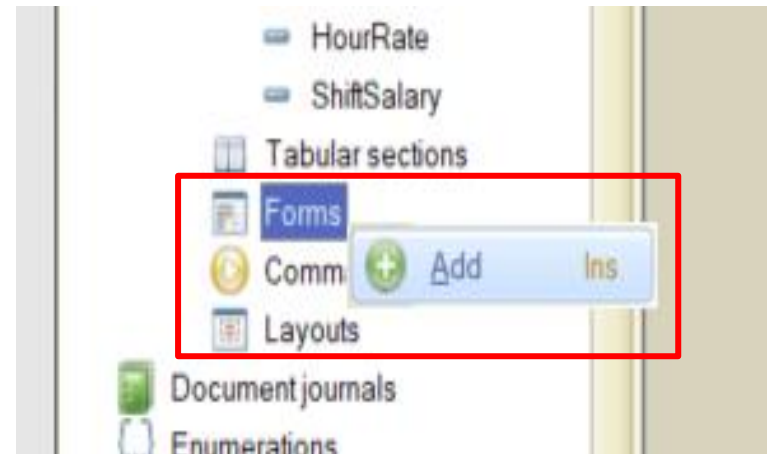
Type: Number

Length: 12

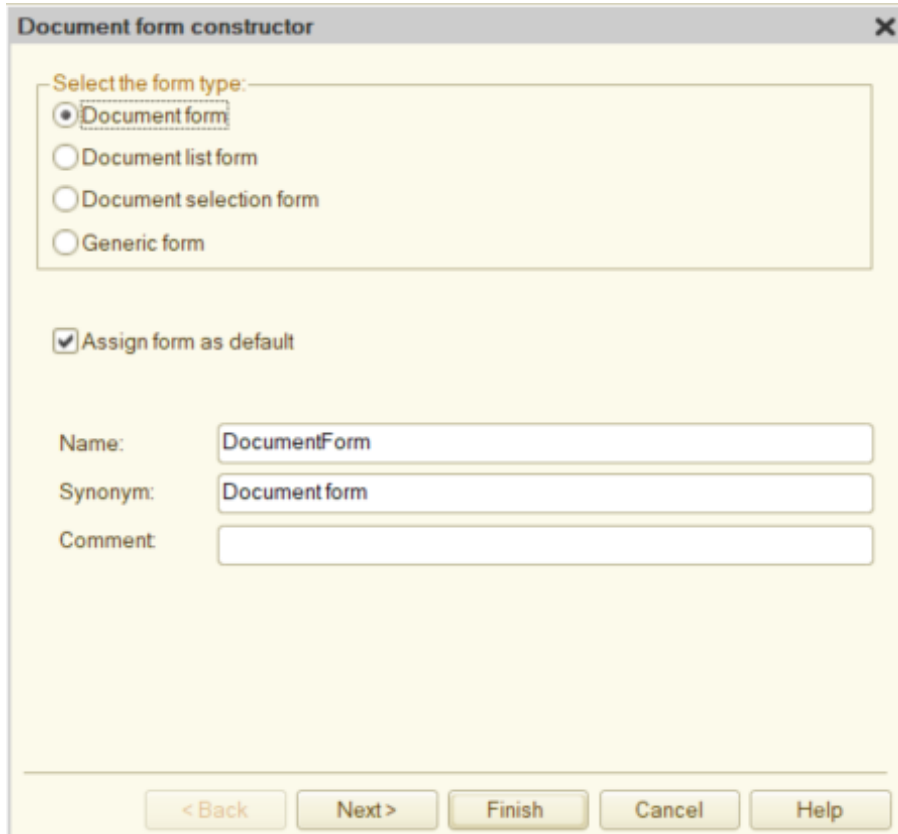
Precision: 0

Nonnegative:

Tạo một DocumentForm
mới trong chứng từ
WorkingHours



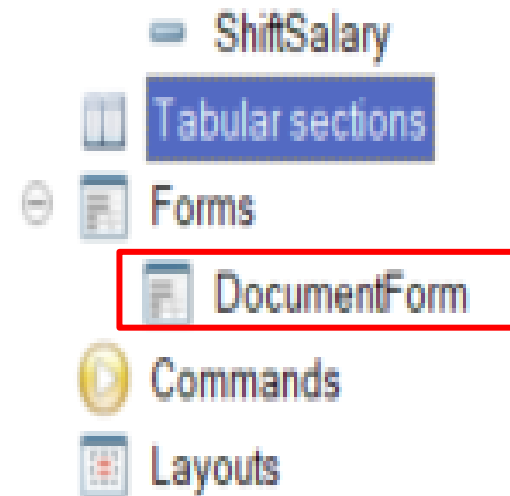
Chọn Document form và ấn Finish



The screenshot shows a dialog box titled "Document form constructor" with a close button (X) in the top right corner. It contains the following elements:

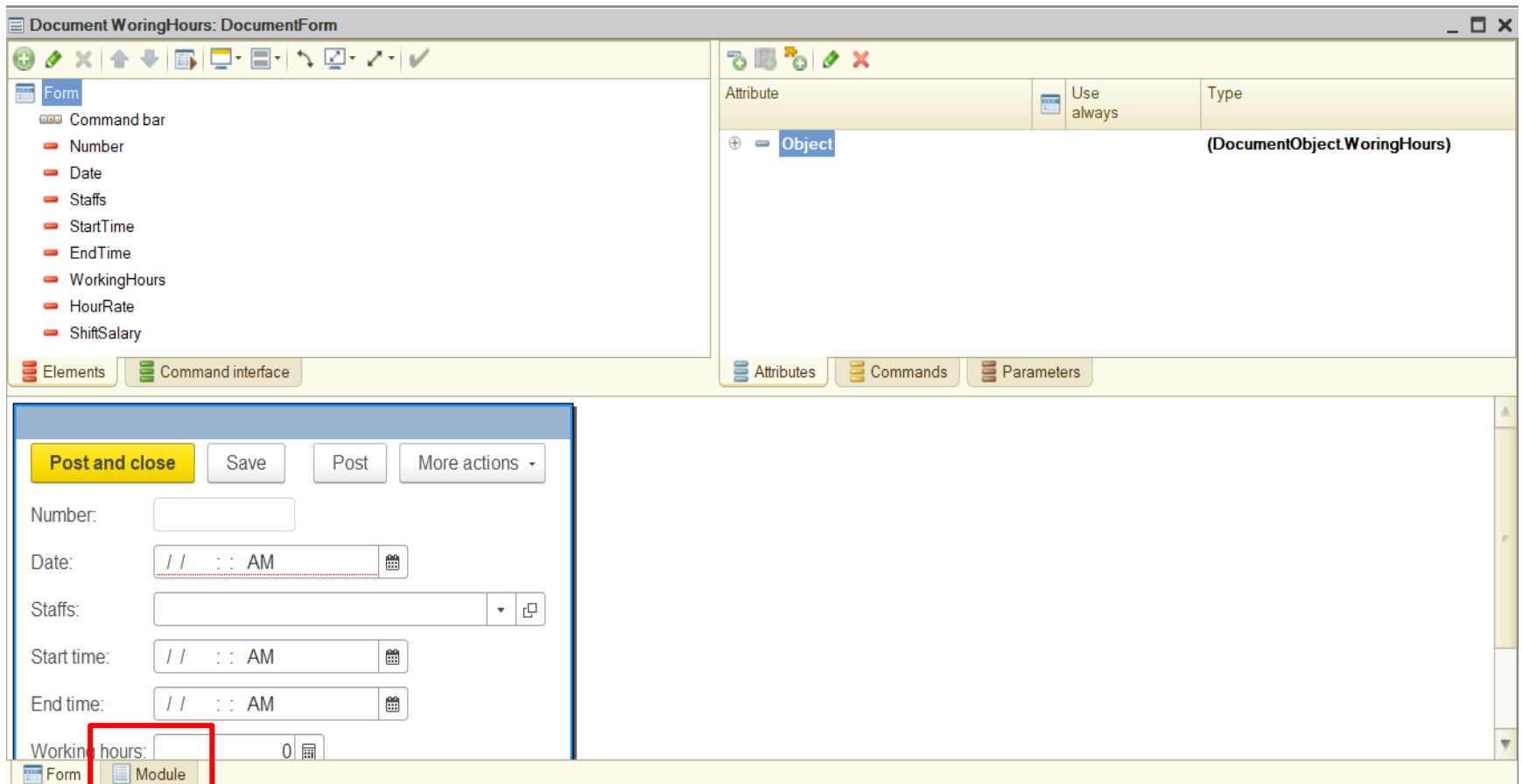
- A section titled "Select the form type:" with four radio button options:
 - Document form
 - Document list form
 - Document selection form
 - Generic form
- A checked checkbox labeled "Assign form as default".
- Three text input fields:
 - Name: DocumentForm
 - Synonym: Document form
 - Comment: (empty)
- Navigation buttons at the bottom: < Back, Next >, Finish, Cancel, and Help.

DocumentForm mới như thế này



B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Mở trình chỉnh sửa của Document form lên và vào tab Module để thiết lập thủ tục tính toán



The screenshot displays the 'Document WoringHours: DocumentForm' application window. The interface is divided into several sections:

- Form Panel (Left):** Lists various form elements including 'Command bar', 'Number', 'Date', 'Staffs', 'StartTime', 'EndTime', 'WorkingHours', 'HourRate', and 'ShiftSalary'.
- Attribute Panel (Top Right):** Shows a table with columns 'Attribute', 'Use always', and 'Type'. A single entry is visible: 'Object' with the type '(DocumentObject.WoringHours)'. Below this are tabs for 'Attributes', 'Commands', and 'Parameters'.
- Form Preview (Bottom):** A preview of the form fields, including 'Number', 'Date', 'Staffs', 'Start time', 'End time', and 'Working hours'. The 'Working hours' field is highlighted with a red box, and the 'Module' tab in the bottom-left corner is also highlighted with a red box.

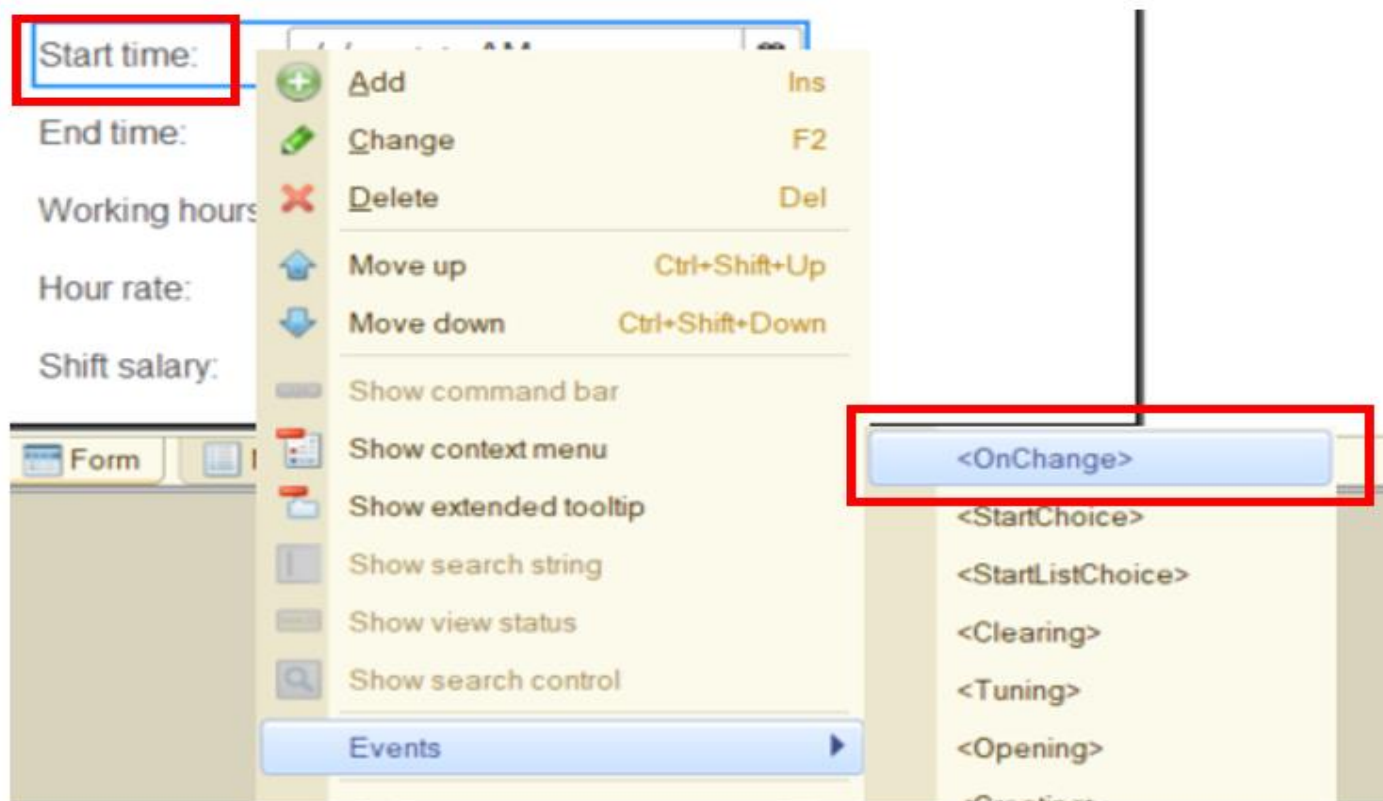
B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Tạo thủ tục tính toán số giờ làm việc và mức lương theo giờ như trong hình

```
Document WoringHour: DocumentForm
Procedure CalculateWorkingHoursAndShiftSalary()
    Object.WorkingHours = (Object.EndTime-Object.StartTime)/3600;
    Object.ShiftSalary= Object.HourRate*Object.WorkingHours;
EndProcedure
|
```

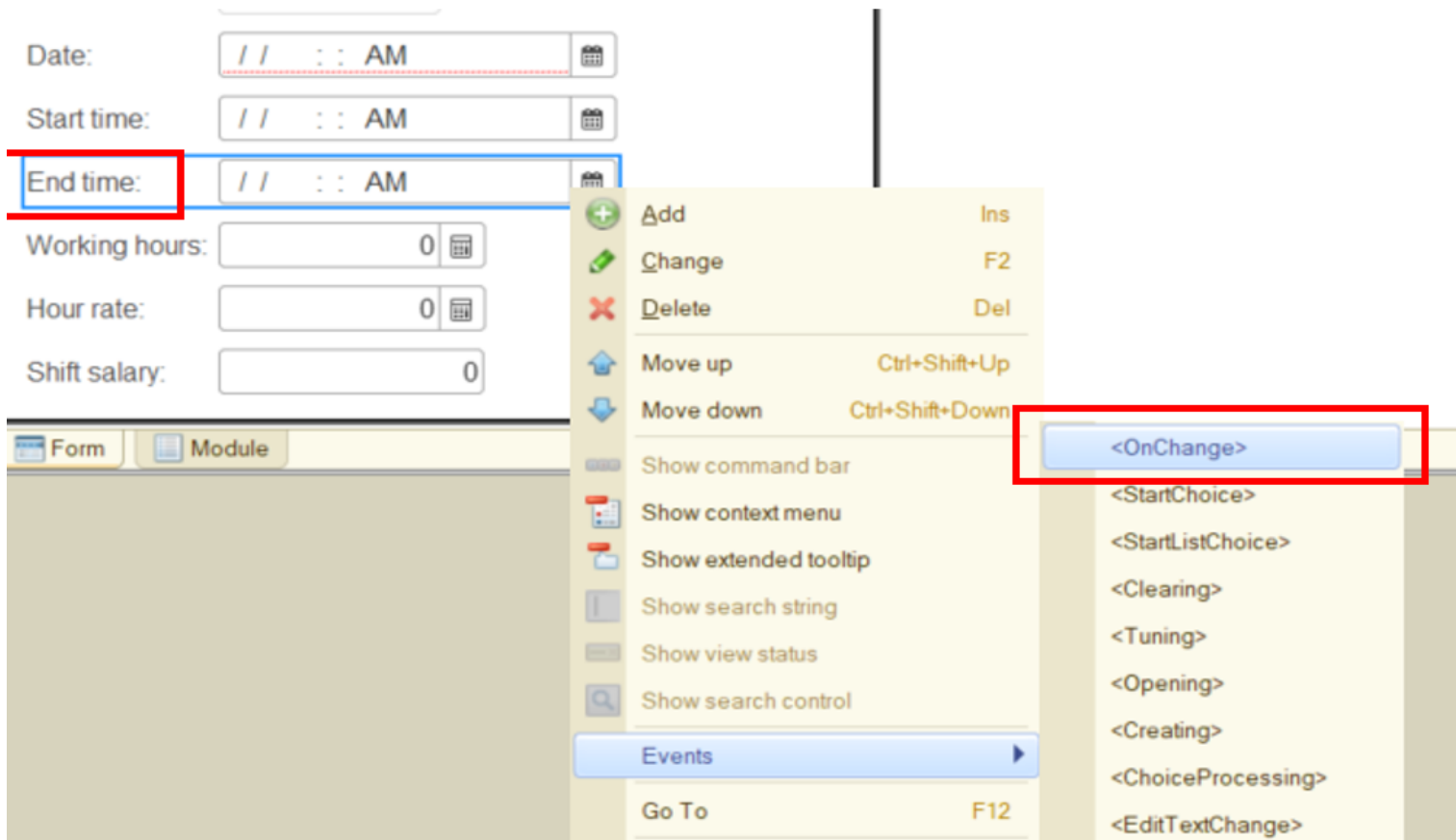
B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Sau đó, kích hoạt sự kiện OnChange phần tử hiển thị StartTime



B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Kích hoạt sự kiện OnChange của phần tử hiển thị EndTime



The screenshot displays a software interface with a form containing several input fields. The 'End time' field is highlighted with a red box. A context menu is open over this field, listing various actions and events. The '<OnChange>' event is selected and highlighted with a red box. The form fields include:

- Date: // :: AM
- Start time: // :: AM
- End time: // :: AM
- Working hours: 0
- Hour rate: 0
- Shift salary: 0

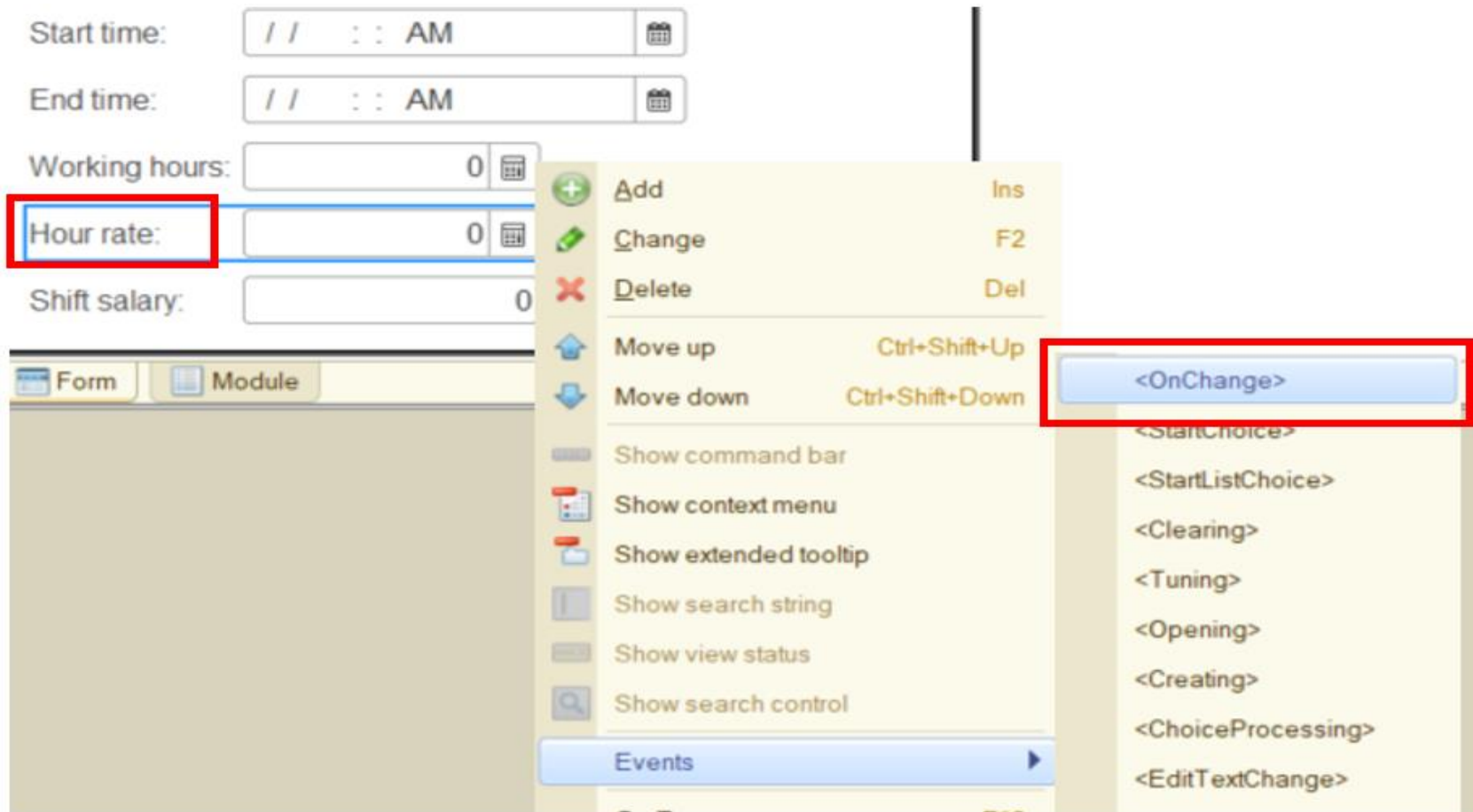
The context menu options are:

- Add (Ins)
- Change (F2)
- Delete (Del)
- Move up (Ctrl+Shift+Up)
- Move down (Ctrl+Shift+Down)
- Show command bar
- Show context menu
- Show extended tooltip
- Show search string
- Show view status
- Show search control
- Events
- Go To (F12)

The selected event is '<OnChange>'. Other events listed include <StartChoice>, <StartListChoice>, <Clearing>, <Tuning>, <Opening>, <Creating>, <ChoiceProcessing>, and <EditTextChange>.

B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Và kích hoạt sự kiện OnChange của HourRate



The screenshot displays a software interface with a form containing several input fields. The fields are: Start time (// : : AM), End time (// : : AM), Working hours (0), Hour rate (0), and Shift salary (0). The 'Hour rate' field is highlighted with a red box. A context menu is open over the 'Hour rate' field, listing various actions such as Add, Change, Delete, Move up, Move down, Show command bar, Show context menu, Show extended tooltip, Show search string, Show view status, and Show search control. The 'Events' section of the menu is expanded, showing a list of events including <OnChange>, <StartChoice>, <StartListChoice>, <Clearing>, <Tuning>, <Opening>, <Creating>, <ChoiceProcessing>, and <EditTextChange>. The '<OnChange>' event is highlighted with a red box.

B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Gọi thủ tục CalculateWorkingHoursAndShiftSalary() trong các sự kiện vừa kích hoạt

```

Document WoringHour: DocumentForm
├─ Procedure CalculateWorkingHoursAndShiftSalary()
│   Object.WorkingHours = (Object.EndTime-Object.StartTime)/3600;
│   Object.ShiftSalary= Object.HourRate*Object.WorkingHours;
└─ EndProcedure

&AtClient
├─ Procedure StartTimeOnChange (Item)
│   CalculateWorkingHoursAndShiftSalary();
└─ EndProcedure

&AtClient
├─ Procedure EndTimeOnChange (Item)
│   CalculateWorkingHoursAndShiftSalary();
└─ EndProcedure

&AtClient
├─ Procedure HourRateOnChange (Item)
│   CalculateWorkingHoursAndShiftSalary();
└─ EndProcedure
    
```



B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Trở về giao diện người dùng và nhập dữ liệu cho một vài chứng từ **Working Hours**

The screenshot shows the ERP Simple (1C:Enterprise) interface. The top navigation bar includes 'Contact type', 'Customers', 'Luân chuyển hàng hóa nội bộ', 'POS', 'Products', 'Purchases', 'Sales', 'Staffs', 'Suppliers', 'Ware house', and 'Woring hours' (highlighted in red). Below the navigation bar, there is a 'Create' button (highlighted in red) and a search bar. The main content area displays a table with columns: Date, Number, Staffs, Start time, End time, Working hours, Hour rate, and Shift sale.

điền vào các
Document Form

The screenshot shows the 'Woring hours (create)' form. The form includes the following fields and buttons:

- Buttons: Post and close (yellow), Save, Post
- Number:
- Date: (highlighted in yellow)
- Staffs: (highlighted in red)
- Start time: (highlighted in red)
- End time: (highlighted in red)
- Working hours: (highlighted in red)
- Hour rate: (highlighted in red)
- Shift salary:



B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Sau khi điền StartTime và EndTime cùng WorkingRate, hệ thống sẽ tự động tính toán được WorkingHours và StaffSalary

← → ☆ Woring hours 000000001 dated 8/31/2021 5:46:12 PM

Post and close Save Post

Number: 000000001

Date: 8/31/2021 5:46:12 PM

Staffs: Nguyễn Văn Hương

Start time: 8/31/2021 8:00:00 AM

End time: 8/31/2021 6:00:00 PM

Working hours: 10.00

Hour rate: 80,000.00

Shift salary: 800,000



B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Có thể nhập số chứng từ tùy ý. Ở đây, sử dụng ví dụ nhập hai chứng từ để tối thiểu hóa số liệu giúp các bạn dễ hiểu hơn.

Date	Number	Staffs	Start time	End time	Working hours	Hour rate	Shift salary
8/31/2021 5:46:12 PM	000000001	Nguyễn Văn Hương	8/31/2021 8:00:00 AM	8/31/2021 6:00:00 PM	10.00	80,000.00	800,000
8/31/2021 5:46:16 PM	000000002	Nguyễn Văn Hương	8/31/2021 8:00:00 AM	8/31/2021 12:00:00 PM	4.00	25.00	100

B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Cần kiểm tra sao cho thời gian kết thúc (EndTime) phải là thời gian sau thời gian bắt đầu (StartTime) nên sẽ bổ sung câu lệnh điều kiện như hình dưới:

```

Document WoringHours: DocumentForm
  &AtClient
  Procedure CalculateWorkingHoursAndShiftSalary()
    If Object.StartTime<Object.EndTime Then
      Object.WorkingHours = (Object.EndTime-Object.StartTime)/3600;
      Object.ShiftSalary= Object.HourRate*Object.WorkingHours;
    Else Message("Hãy nhập End time sau Start Time")
    EndIf;
  EndProcedure

  &AtClient
  Procedure StartTimeOnChange(Item)
    CalculateWorkingHoursAndShiftSalary();
  EndProcedure

  &AtClient
  Procedure EndTimeOnChange(Item)
    CalculateWorkingHoursAndShiftSalary();
  EndProcedure

  &AtClient
  Procedure HourRateOnChange(Item)
    CalculateWorkingHoursAndShiftSalary();
  EndProcedure
  
```



B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Sau đó quay trở lại giao diện người dùng để kiểm tra xem tính năng vừa thiết lập có hoạt động hay không

The screenshot shows the ERP Simple interface. The top navigation bar includes 'ERPSimple (1C:Enterprise)', a search bar, and various menu items: 'Contact type', 'Customers', 'Luân chuyển hàng hóa nội bộ', 'POS', 'Products', 'Purchases', 'Sales', 'Staffs', 'Suppliers', 'More actions', and 'Reports'. The 'More actions' menu is highlighted with a red box. Below the navigation bar, the 'Working hours' section is visible, with a 'Create' button highlighted by a red box. A table displays the following data:

Date	Number	Staffs	Start time	End time	Working hours
8/31/2021 5:46:12 PM	000000001	Nguyễn Văn Hư...	8/31/2021 8:00:00 AM	8/31/2021 6:00:00 PM	10.00
8/31/2021 5:46:16 PM	000000002	Nguyễn Văn Hư...	8/31/2021 8:00:00 AM	8/31/2021 12:00:00 PM	4.00



B1: Tạo chứng từ WorkingHours ghi nhận giờ làm việc của nhân viên

Bây giờ thử nhập một EndTime ở trước StartTime. Hệ thống sẽ gửi thông báo cho người dùng và yêu cầu nhập EndTime sau StartTime

← → **Working hours (create) ***

Post and close Save Post

Number:

Date:

Staffs:

Start time:

End time:

Working hours:

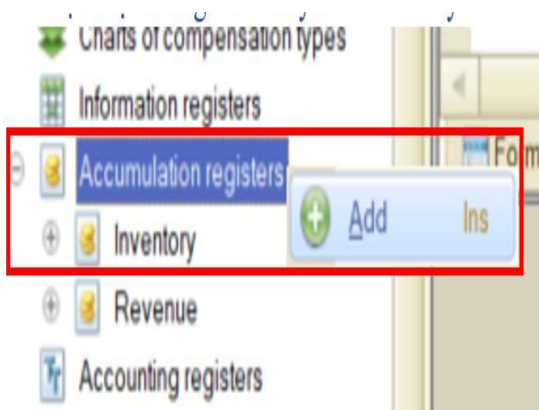
Hour rate:

Shift salary:

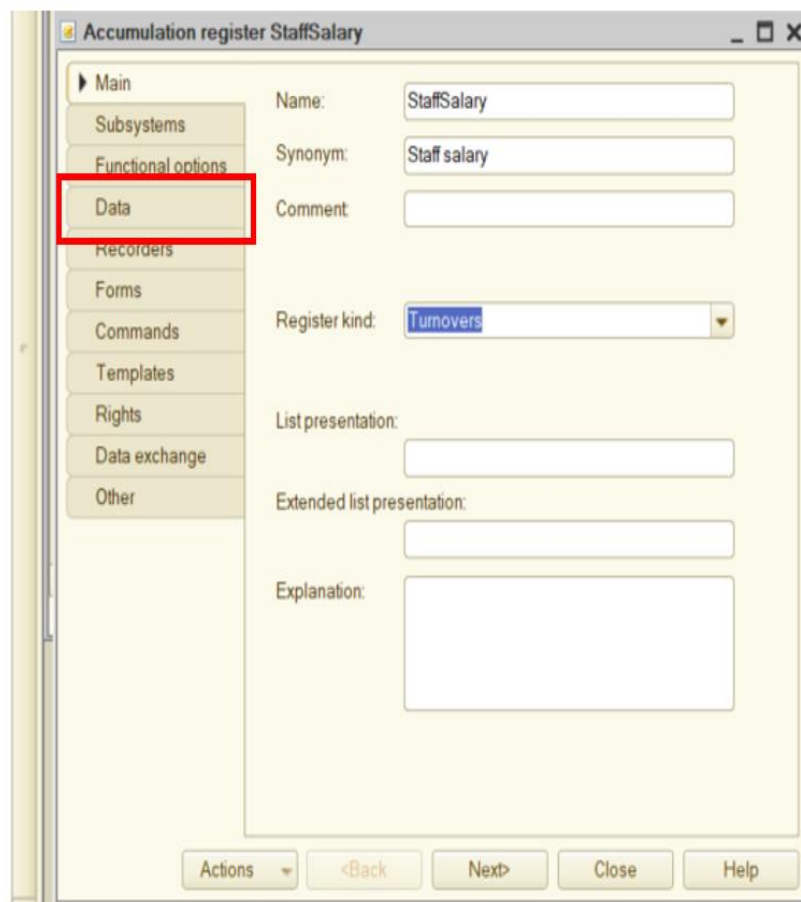
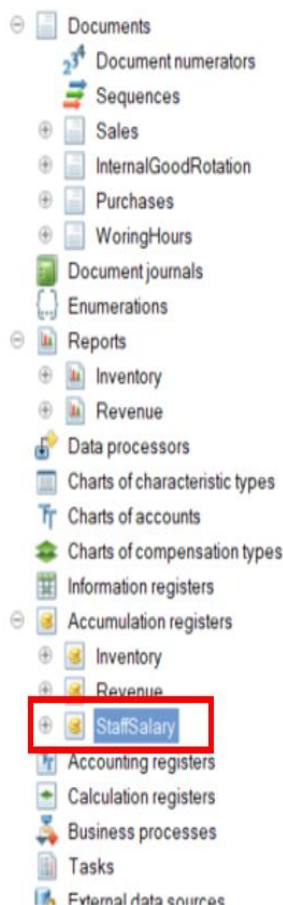
Messages:

— Hãy nhập End time sau Start Time

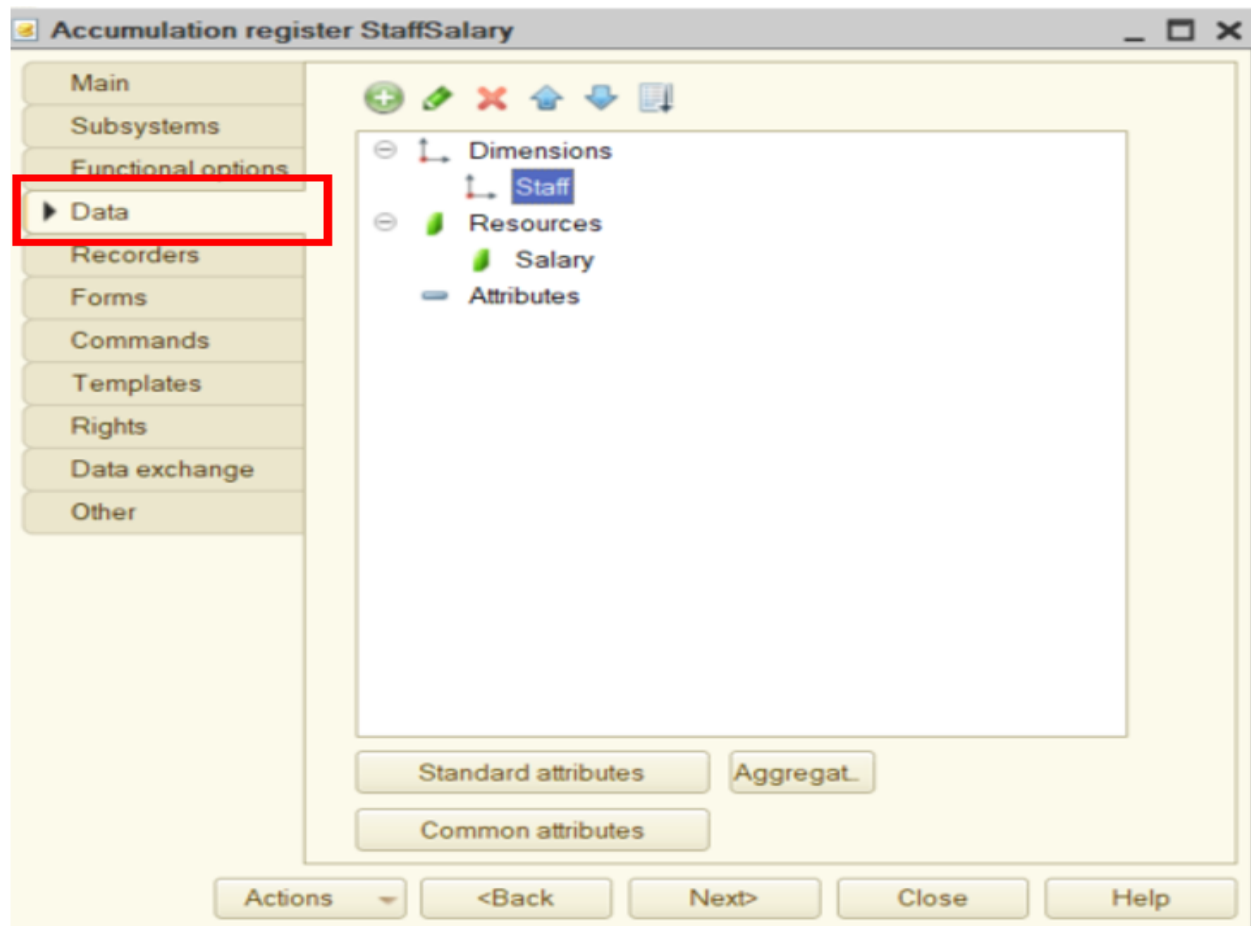
Tạo một biểu ghi tích lũy mới



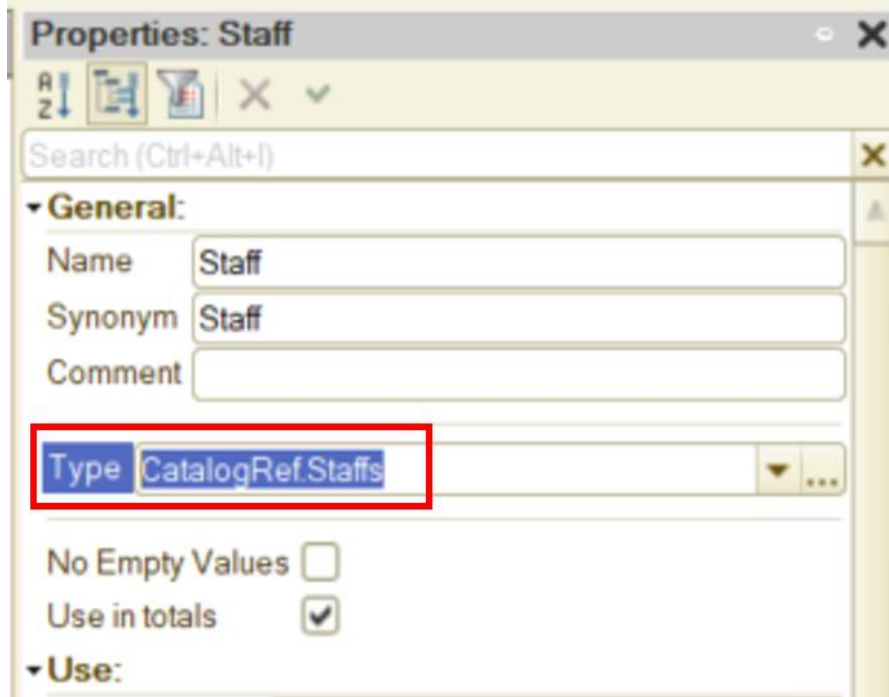
Đặt tên là StaffSalary và có kiểu biểu ghi là Turnovers



Di chuyển sang tab Data và tạo 01 Dimension có tên Staff, 01 Resource là Salary



Dimension Staff có kiểu dữ liệu trở
tới Staffs



Properties: Staff

Search (Ctrl+Alt+I)

General:

Name Staff

Synonym Staff

Comment

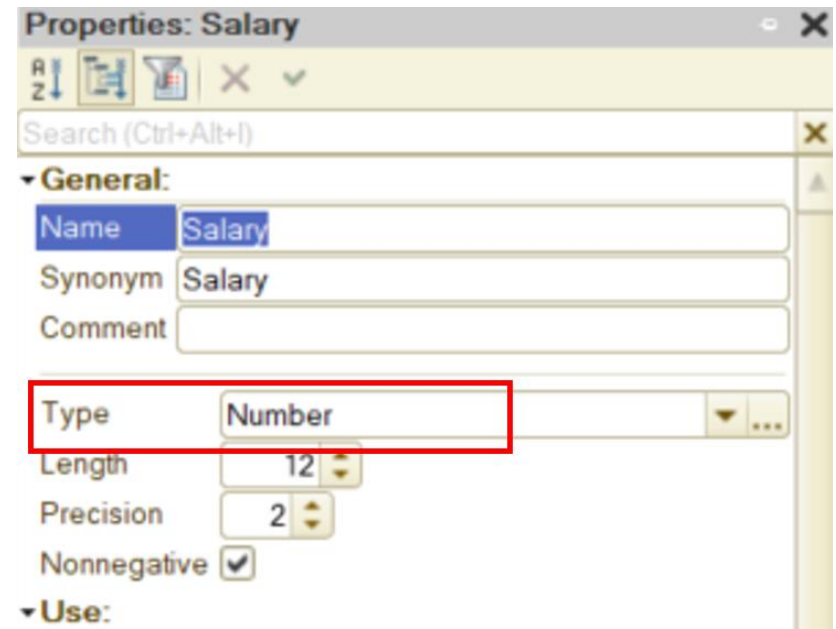
Type CatalogRef.Staffs

No Empty Values

Use in totals

Use:

Resource Salary có kiểu dữ liệu
là number



Properties: Salary

Search (Ctrl+Alt+I)

General:

Name Salary

Synonym Salary

Comment

Type Number

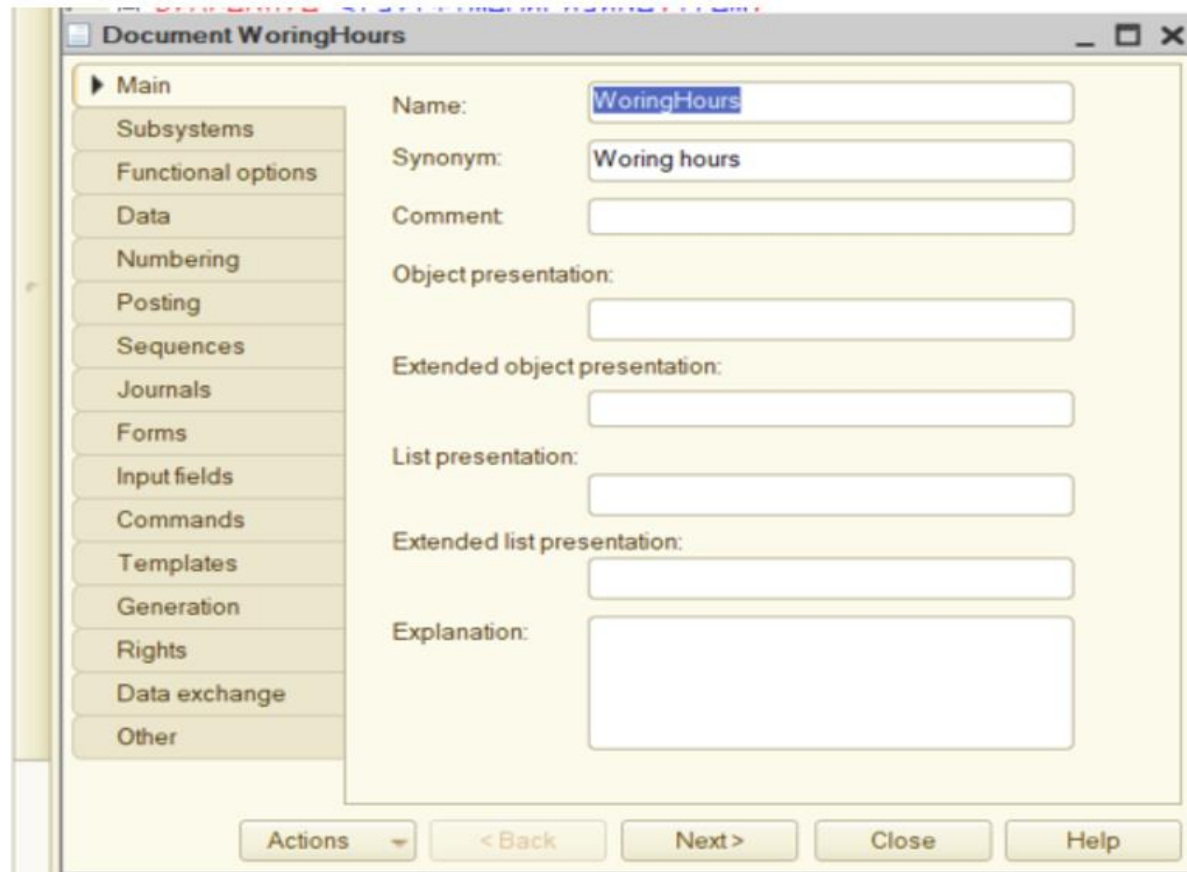
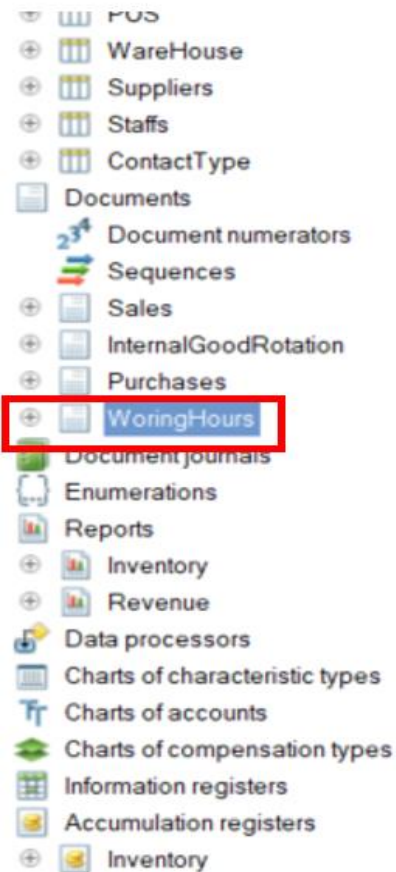
Length 12

Precision 2

Nonnegative

Use:

Clickđúp vào chứng từ WorkingHours



Document WorkingHours

Main

Subsystems

Functional options

Data

Numbering

Posting

Sequences

Journals

Forms

Input fields

Commands

Templates

Generation

Rights

Data exchange

Other

Name:

Synonym:

Comment:

Object presentation:

Extended object presentation:

List presentation:

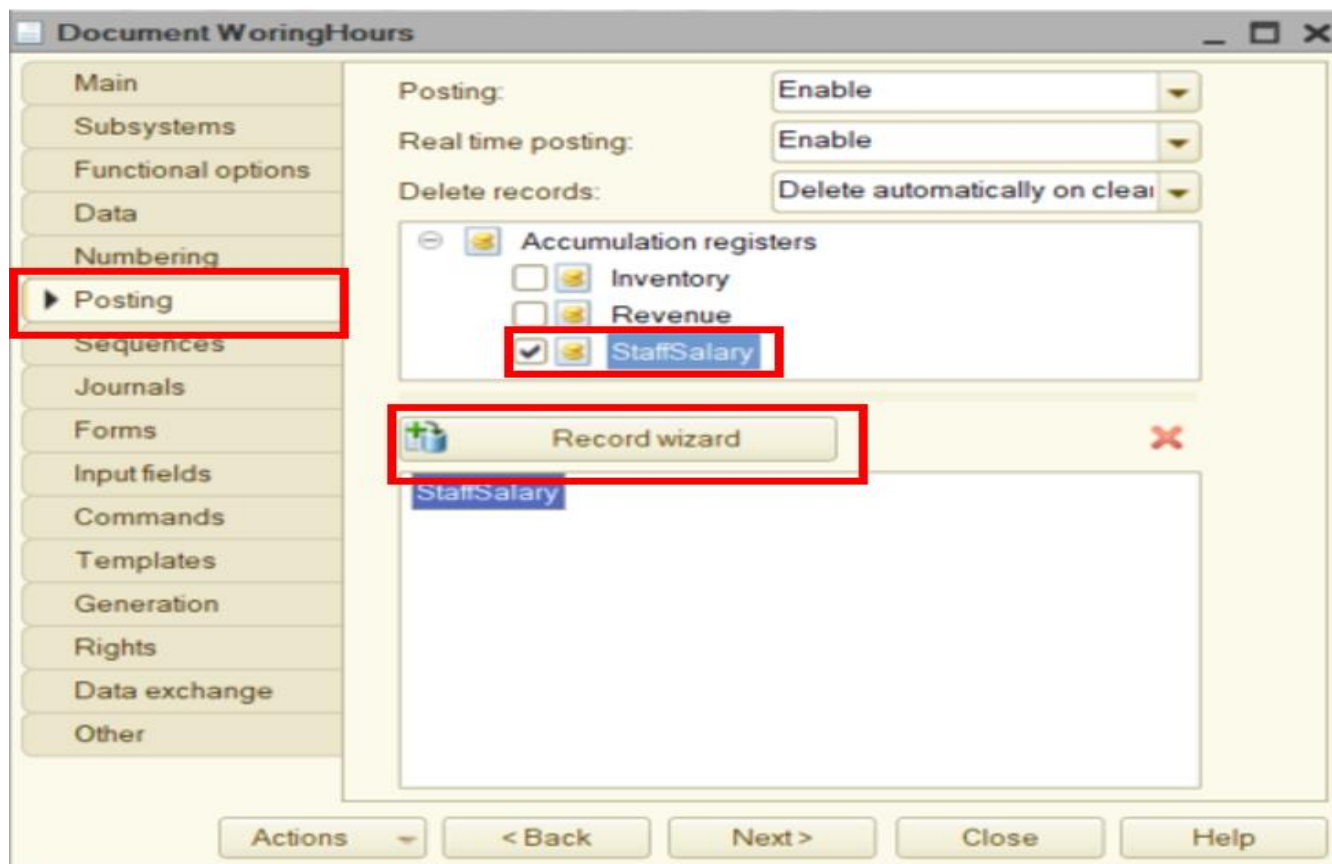
Extended list presentation:

Explanation:

Actions

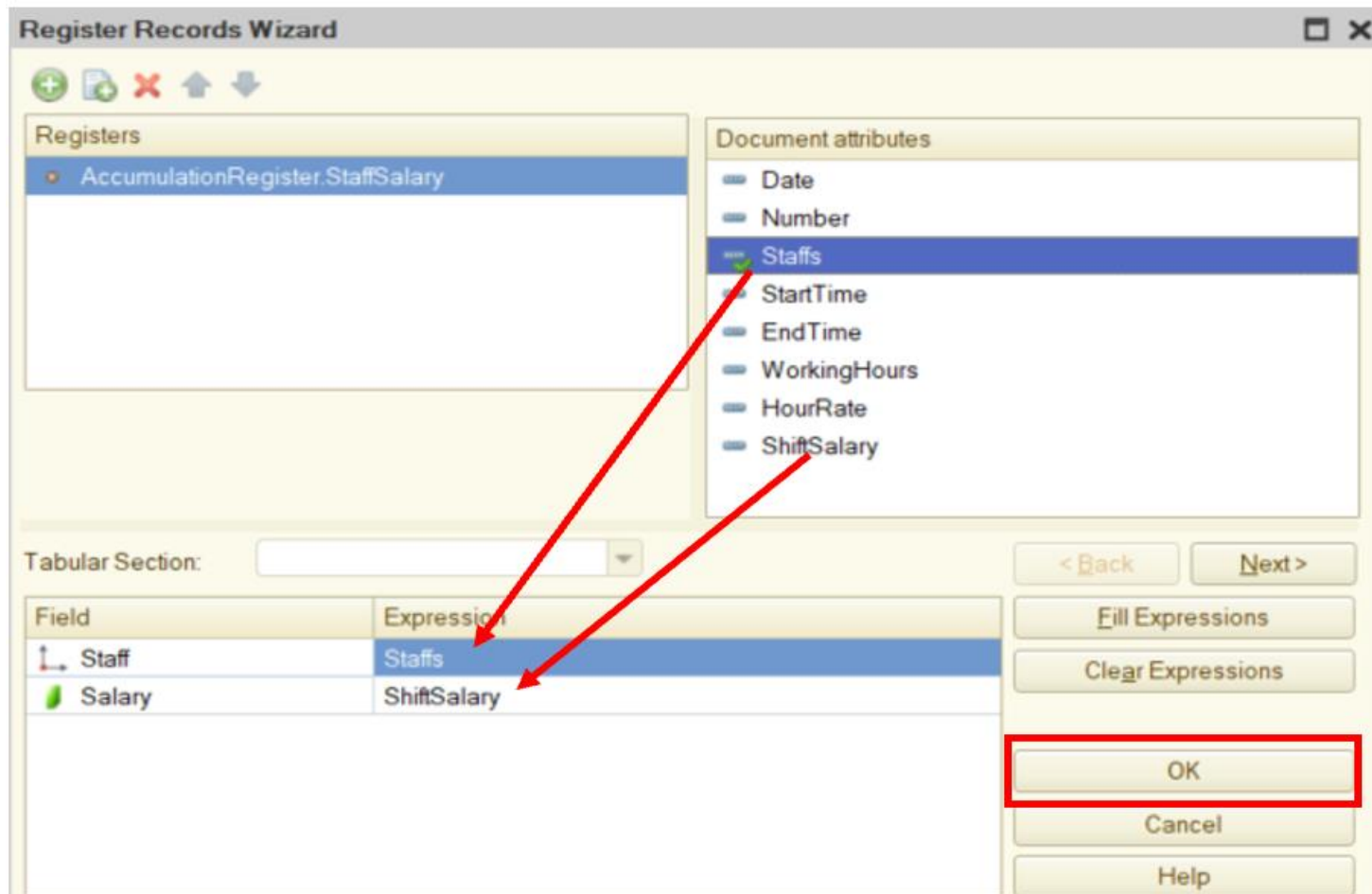
B2: Tạo một biểu ghi tích lũy là StaffSalary để tính toán tiền lương nhân viên

Chọn vào tab Posting, chọn biểu ghi StaffSalary rồi nhấn vào Record wizard



B2: Tạo một biểu ghi tích lũy là StaffSalary để tính toán tiền lương nhân viên

Hãy ánh xạ mục tin **Staffs** và mục tin ShiftSalary vào các trường thông tin phù hợp của biểu ghi, rồi click OK



B2: Tạo một biểu ghi tích lũy là StaffSalary để tính toán tiền lương nhân viên

Sẽ thấy hiển thị lên đoạn code của thủ tục Posting như thế này.

```
Document WoringHours: Object module

Procedure Posting(Cancel, Mode)
    {{{_REGISTER_REGISTERRECORDS_WIZARD
    // This fragment was built by the wizard.
    // Warning! All manually made changes will be lost next time you use the wizard.

    // register StaffSalary
    RegisterRecords.StaffSalary.Write = True;
    Record = RegisterRecords.StaffSalary.Add();
    Record.Period = Date;
    Record.Staff = Staffs;
    Record.Salary = ShiftSalary;

    }}}_REGISTER_REGISTERRECORDS_WIZARD
EndProcedure
```



B2: Tạo một biểu ghi tích lũy là StaffSalary để tính toán tiền lương nhân viên

Trở lại giao diện người dùng và kết chuyển lại các chứng từ WorkingHours

ERP Simple (1C:Enterprise) Search Ctrl+Shift+F

Contact type Customers Luân chuyển hàng hóa nội bộ POS Products Purchases Sales Staffs Suppliers More actions Reports

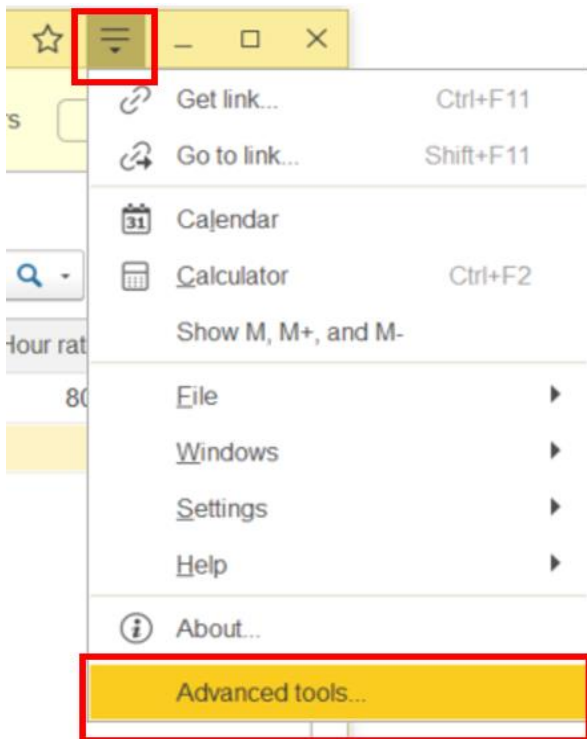
Woring hours

Create Search (Ctrl+F) More actions

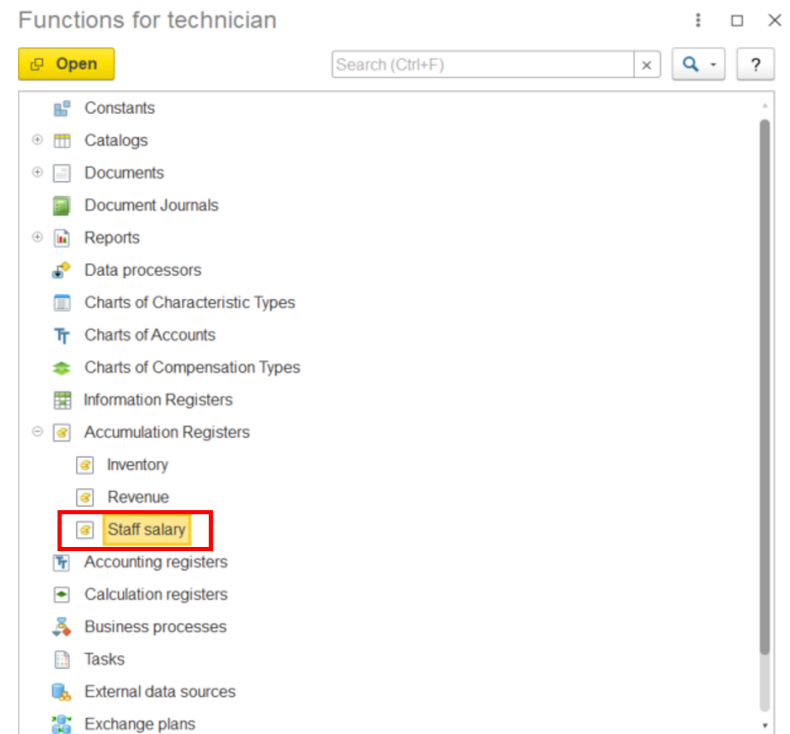
Date	Number	Staffs	Start time	End time	Working hours
8/31/2021 5:46:12 PM	000000001	Nguyễn Văn Hư...	8/31/2021 8:00:00 AM	8/31/2021 6:00:00 PM	10.00
8/31/2021 5:46:16 PM	000000002	Nguyễn Văn Hư...	8/31/2021 8:00:00 AM	8/31/2021 12:00:00 PM	4.00

B2: Tạo một biểu ghi tích lũy là StaffSalary để tính toán tiền lương nhân viên

Sử dụng Advanced Tool để kiểm tra quá trình kết chuyển vào biểu ghi



Chọn biểu ghi Staff salary để xem các bản ghi của biểu ghi



B2: Tạo một biểu ghi tích lũy là StaffSalary để tính toán tiền lương nhân viên

Nếu các bản ghi được ghi chép lại như thế này thì đã thành công

← → ☆ Staff salary 🔗 ⋮ ✕

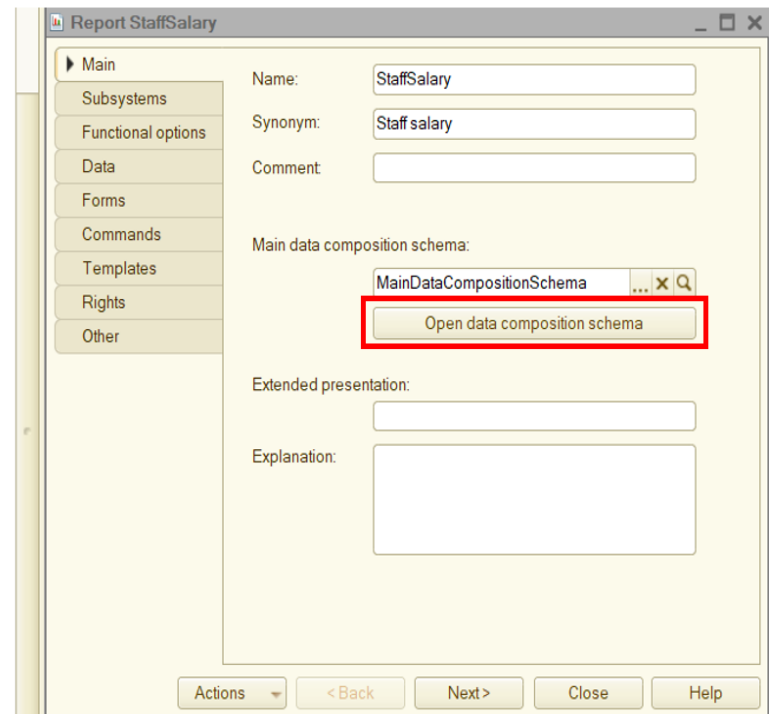
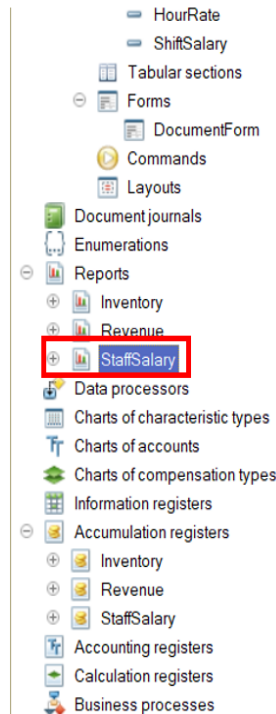
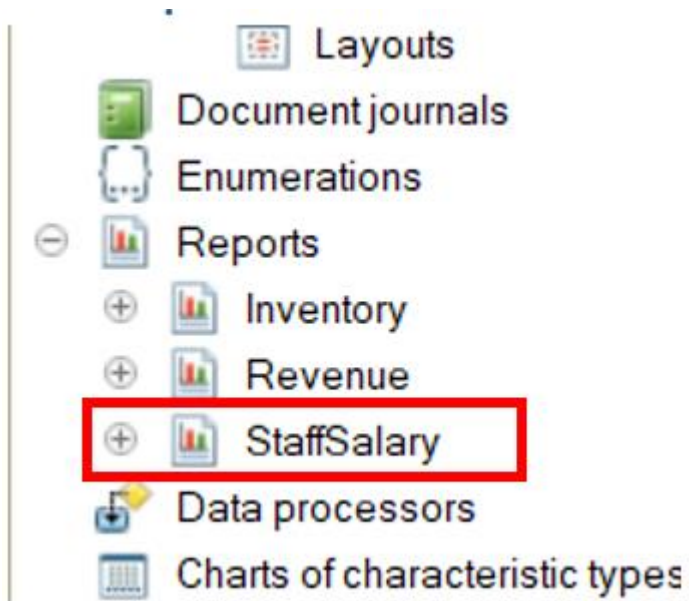
Search (Ctrl+F) ✕ 🔍 More actions ▾

Period	Recorder	Line number	Staff	Salary
• 8/31/2021 5:46:12 PM	Woring hours 000000001 dated 8/3...	1	Nguyễn Văn Hương	800,000.00
• 8/31/2021 5:46:16 PM	Woring hours 000000002 dated 8/3...	1	Nguyễn Văn Hương	100.00

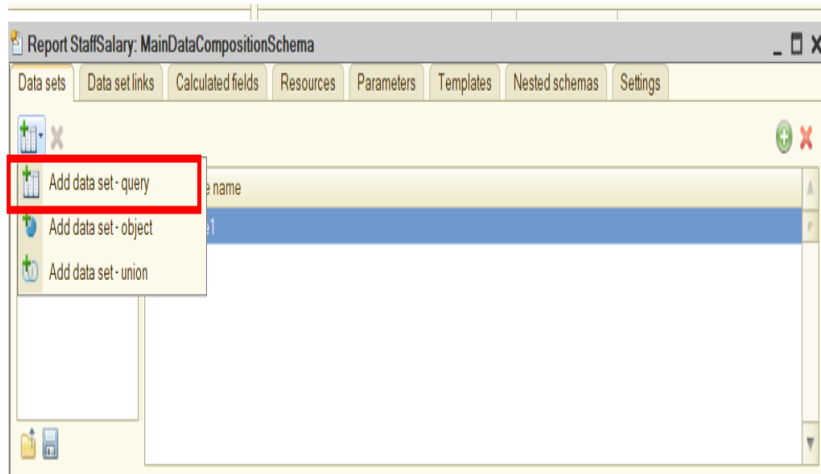
B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Vào báo cáo và tạo một báo cáo mới có tên StaffSalary

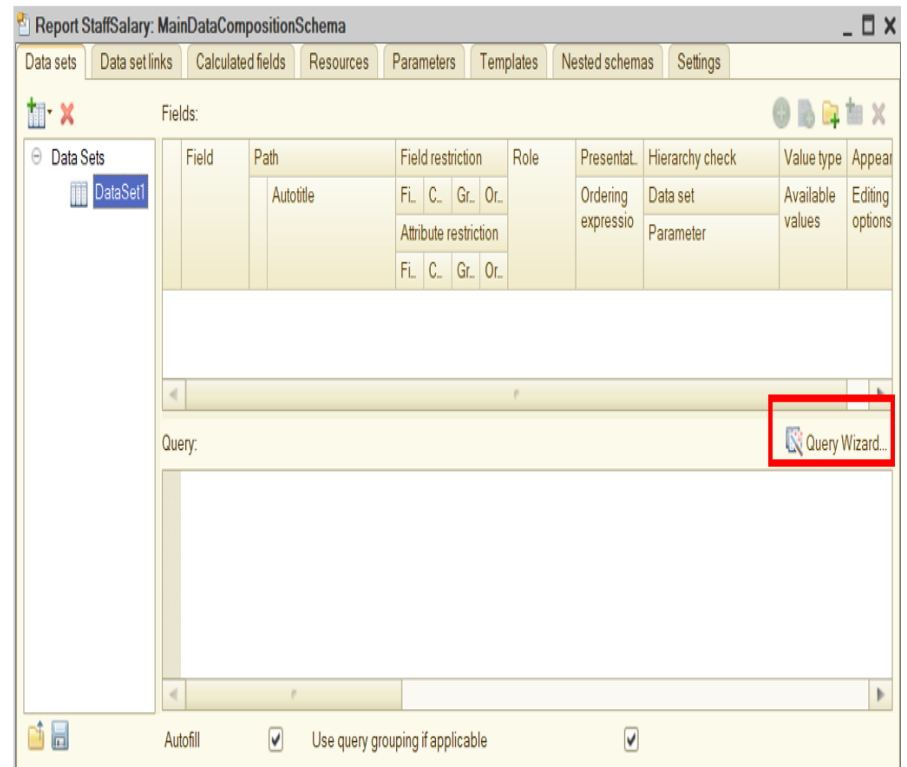
Click đúp vào Báo cáo Staff salary và chọn Open data composition schema



Tạo một Data set – query mới
(một tập dữ liệu lấy ra từ truy vấn)

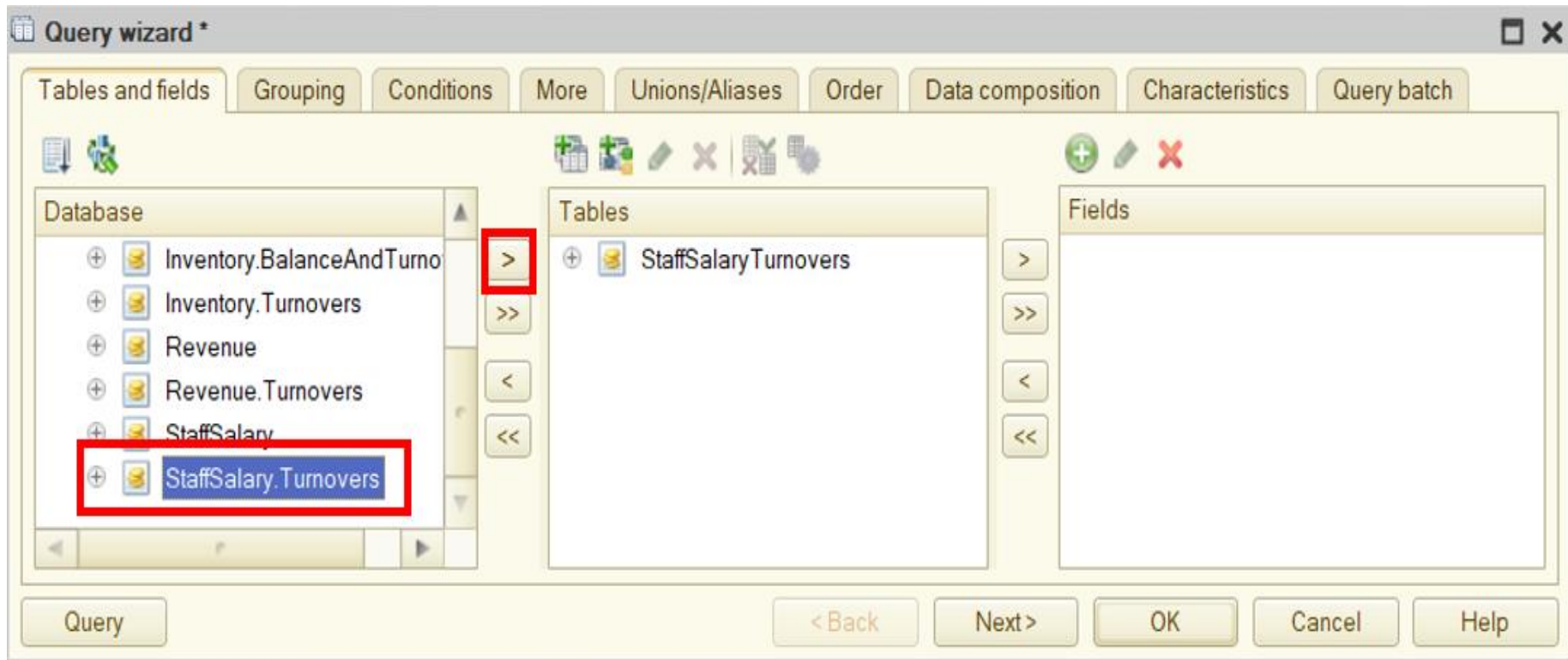


Sau đó chọn vào Query wizard để
truy vấn những dữ liệu cần cho báo
cáo



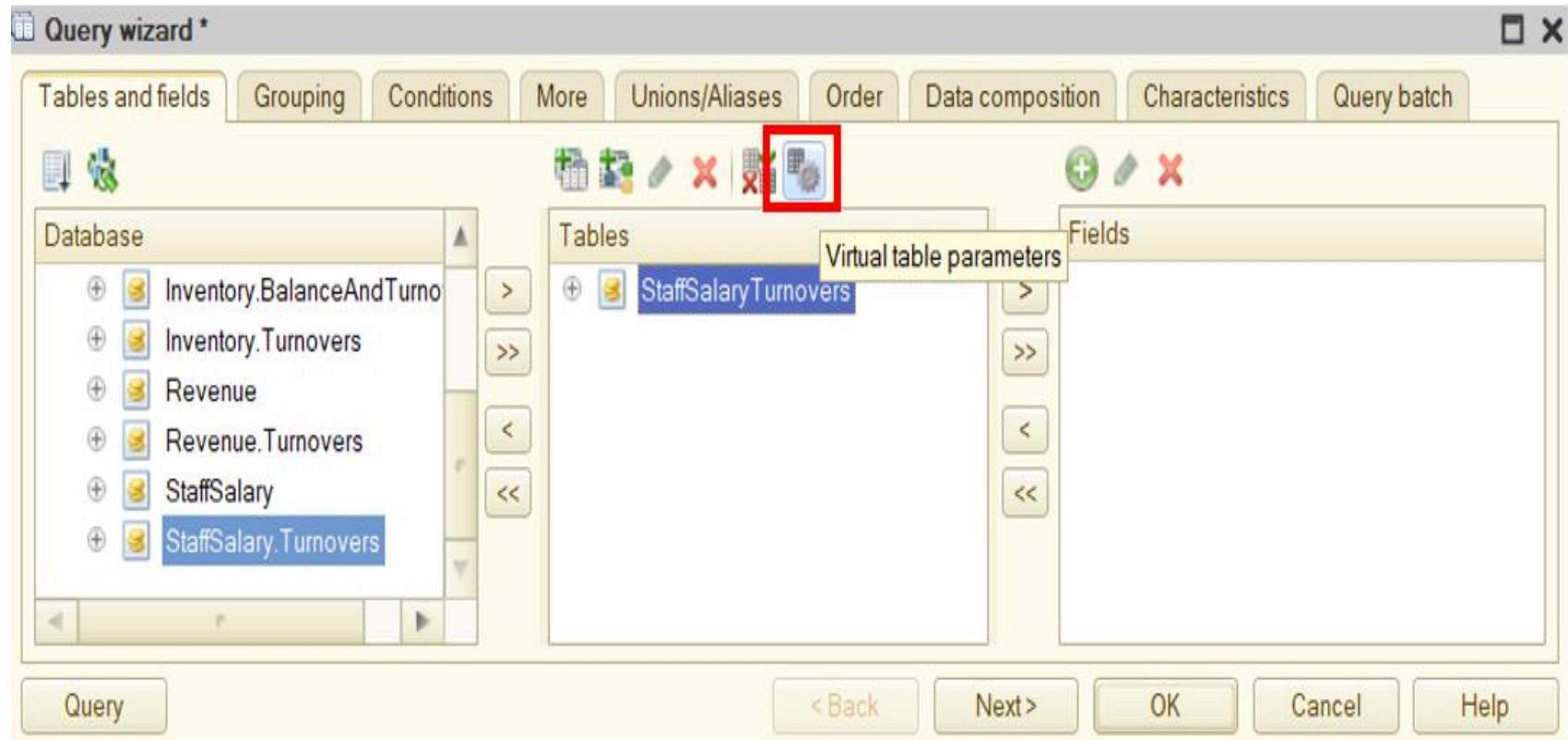
B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Click đúp vào bảng StaffSalary.Turnovers để đưa bảng này vào truy vấn

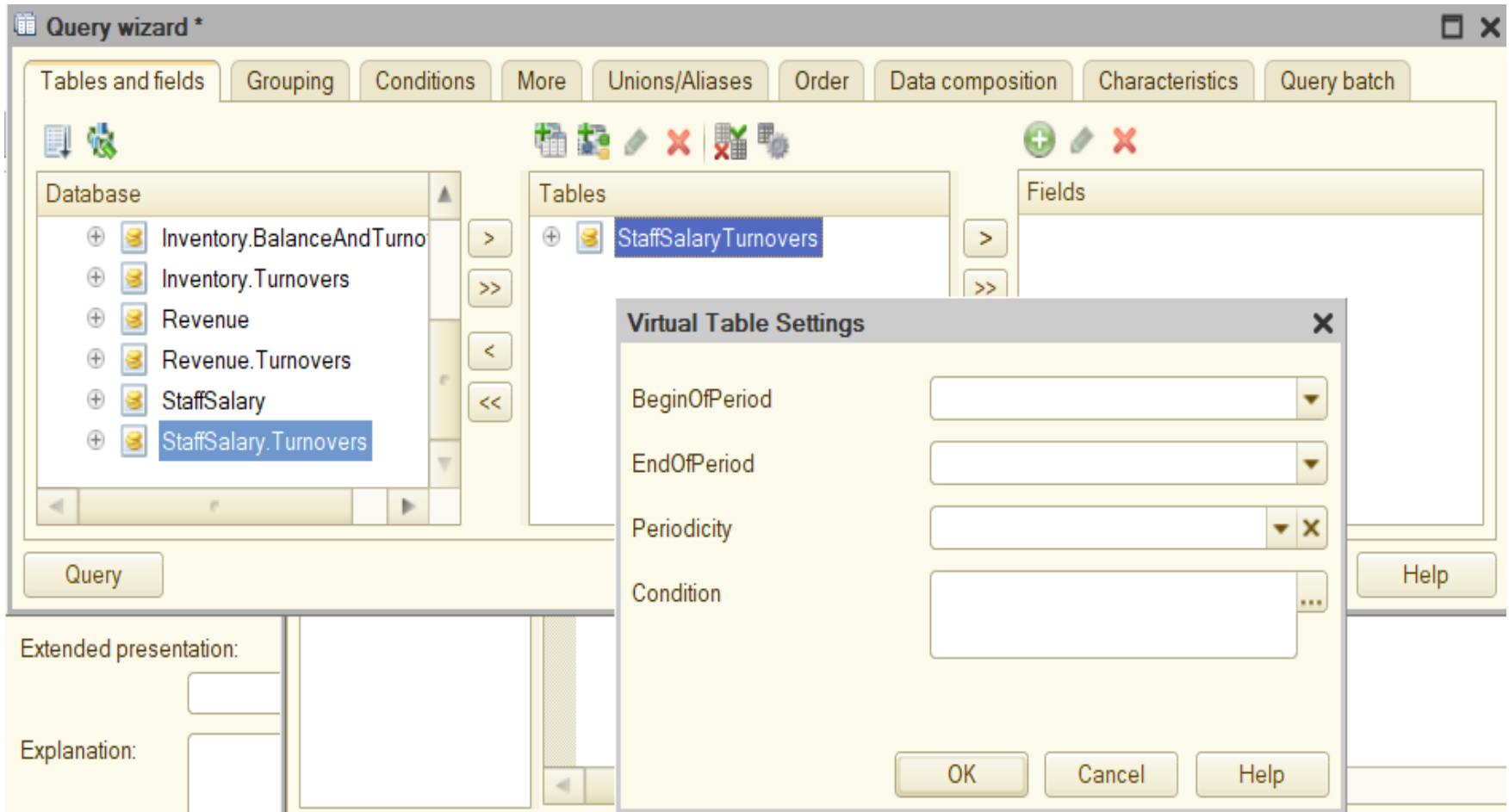


B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Chọn bảng StaffSalary. Turnovers rồi nhấn vào Virtual table parameter



Bảng Virtual Table Settings



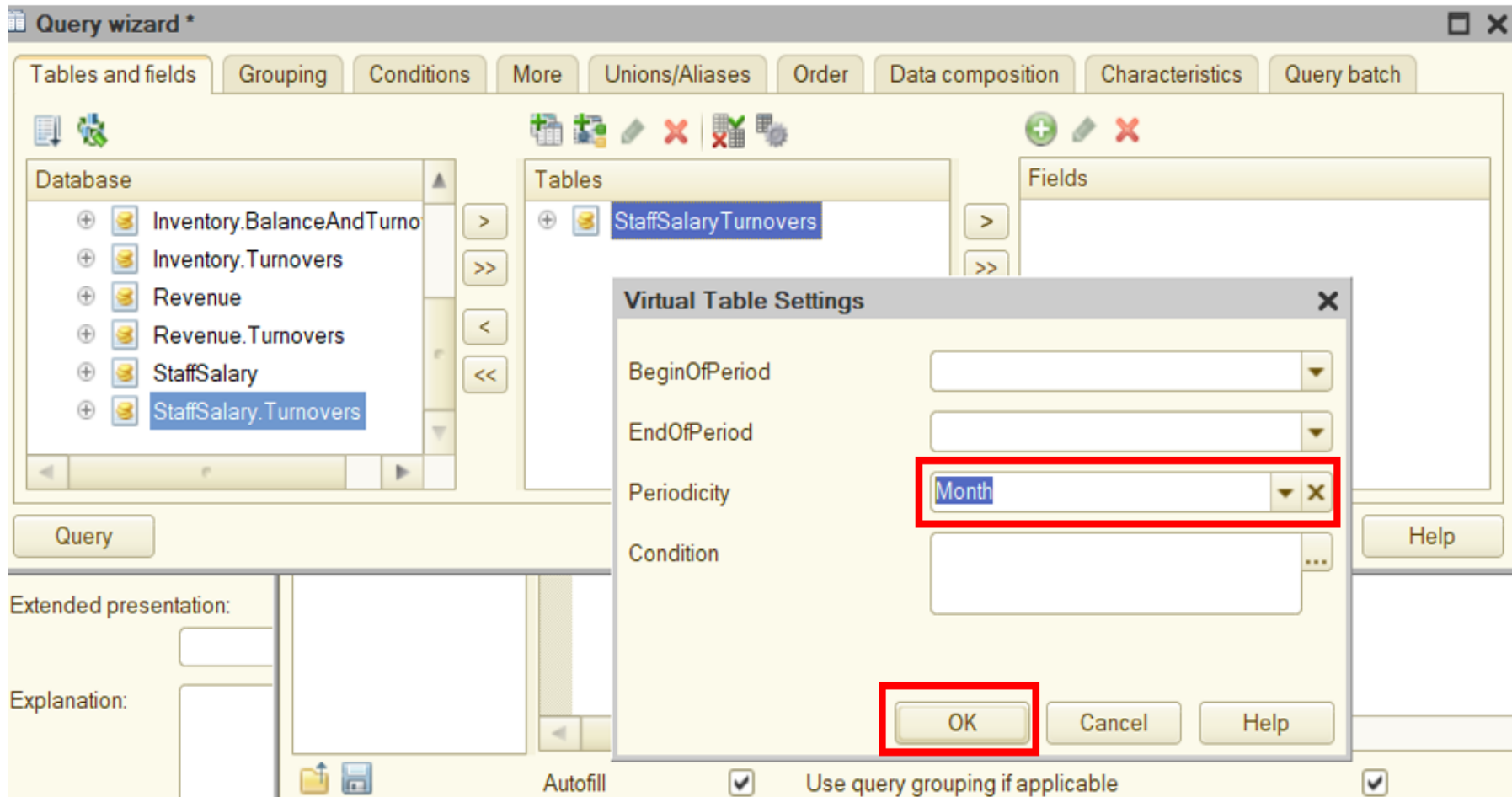
The screenshot shows the 'Query wizard' interface with the 'Virtual Table Settings' dialog box open. The dialog box contains the following fields:

- BeginOfPeriod:
- EndOfPeriod:
- Periodicity: X
- Condition:

Buttons at the bottom of the dialog include OK, Cancel, and Help. The background interface shows a 'Database' list with 'StaffSalary.Turnovers' selected, and a 'Tables' list with 'StaffSalaryTurnovers' selected.

B3: Tạo báo cáo StaffSalary

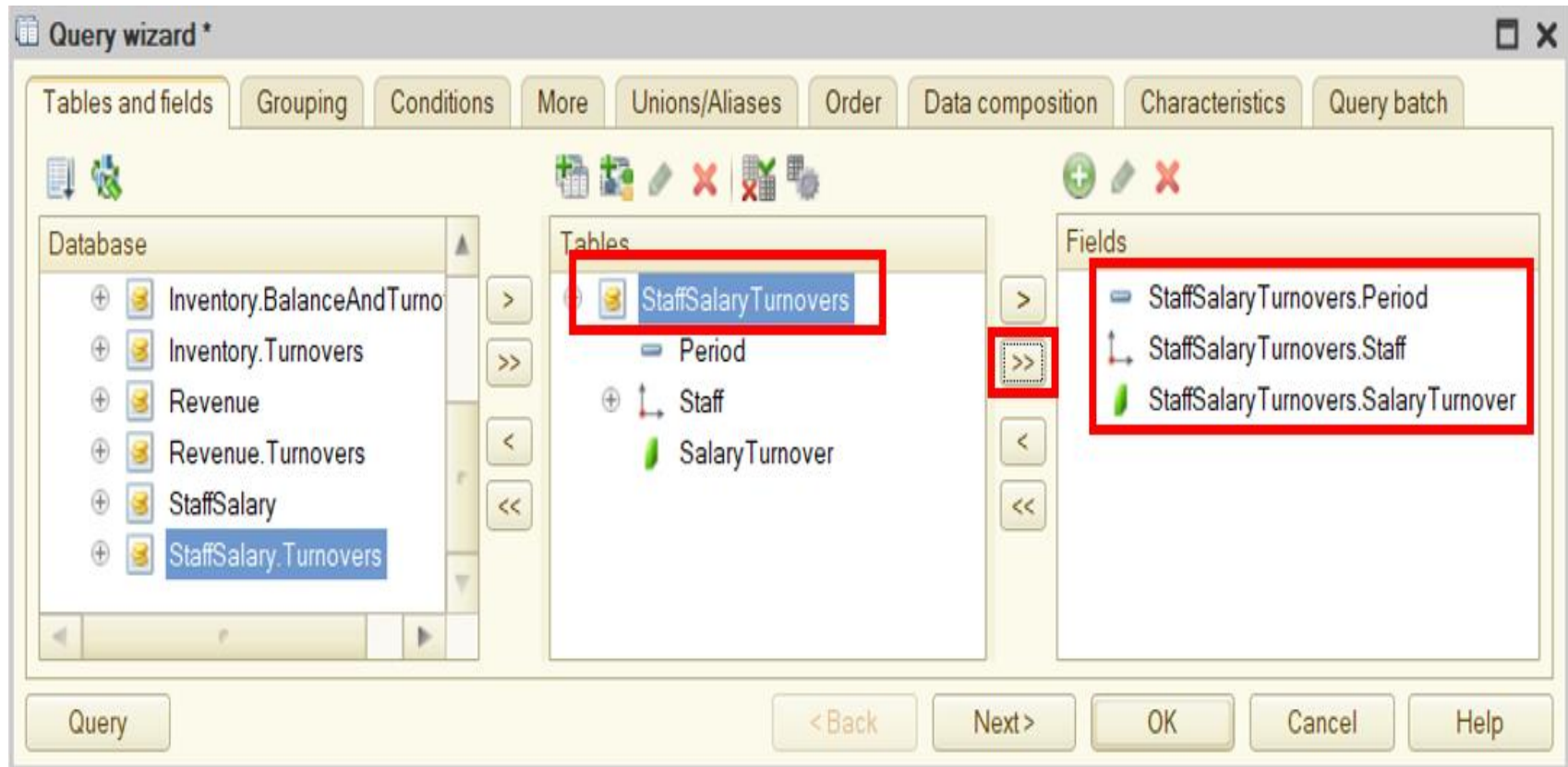
Chọn Periodicity là Month rồi nhấn Ok



The screenshot shows the 'Query wizard' application window. The 'Tables and fields' tab is active, displaying a list of database tables on the left and a 'Tables' list on the right. The 'StaffSalary Turnovers' table is selected in the 'Tables' list. A 'Virtual Table Settings' dialog box is open in the foreground, with the 'Periodicity' dropdown menu set to 'Month'. The 'OK' button at the bottom of the dialog is highlighted with a red box. The 'EndOfPeriod' and 'BeginOfPeriod' dropdowns are empty. The 'Condition' field is also empty. The 'Help' button is visible on the right side of the dialog. The 'Autofill' checkbox is checked, and the 'Use query grouping if applicable' checkbox is also checked.

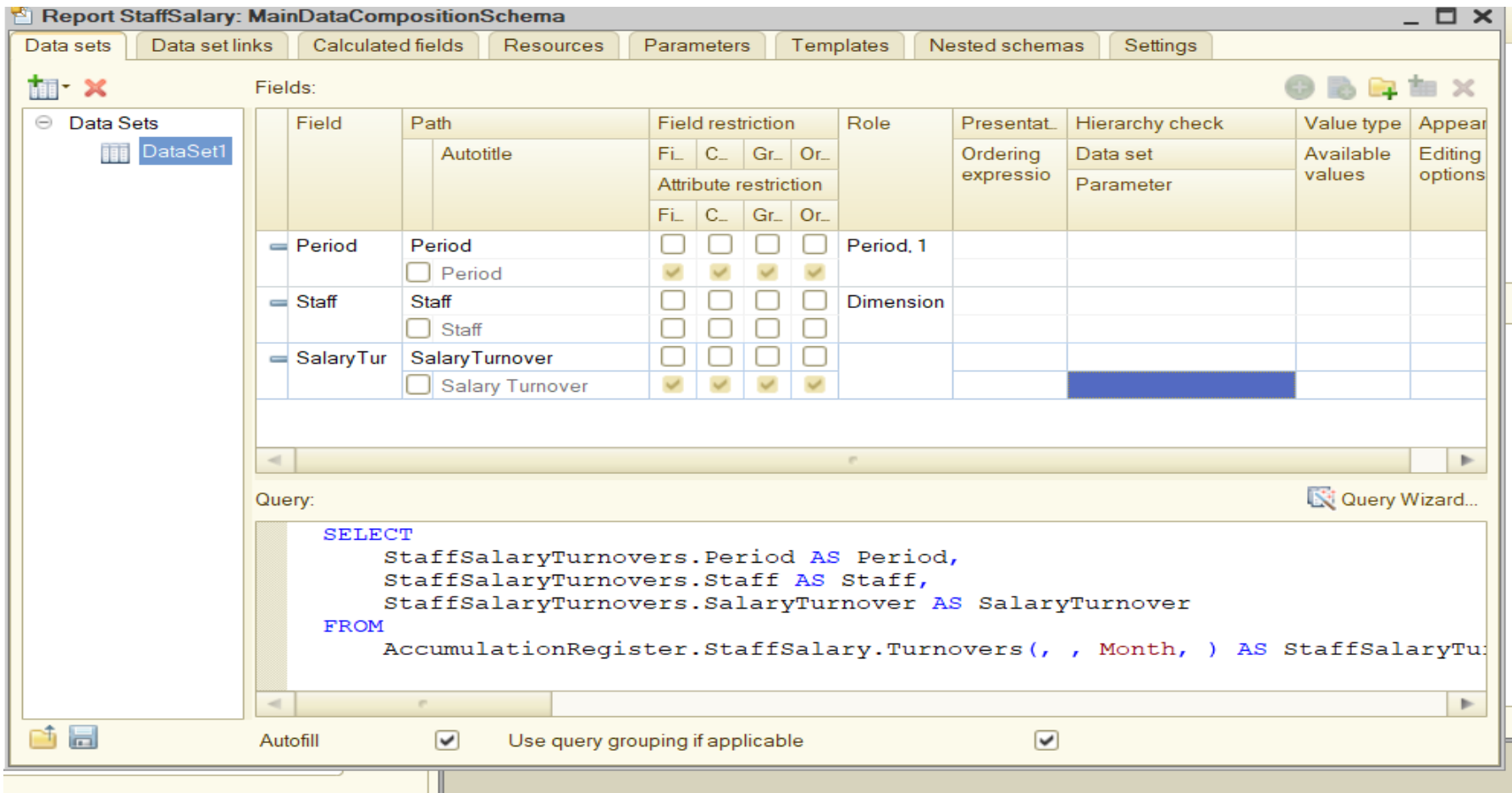
B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Click đúp vào StaffSalary Turnovers để đưa các mục tin của bảng này vào danh sách các trường được hiển thị rồi nhấn Ok



B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Sau khi nhấn Ok sẽ có giao diện như thế này



The screenshot shows the 'Report StaffSalary: MainDataCompositionSchema' window. The 'Fields' tab is active, displaying a table of field configurations. The 'Data Sets' pane on the left shows 'DataSet1' selected. The 'Query' pane at the bottom contains the following SQL query:

```
SELECT
  StaffSalaryTurnovers.Period AS Period,
  StaffSalaryTurnovers.Staff AS Staff,
  StaffSalaryTurnovers.SalaryTurnover AS SalaryTurnover
FROM
  AccumulationRegister.StaffSalary.Turnovers( , , Month, ) AS StaffSalaryTu
```

The 'Fields' table is as follows:

Field	Path	Field restriction				Role	Presentat. Ordering expressio	Hierarchy check		Value type Available values	Appear Editing options
		Fi_	C_	Gr_	Or_			Data set	Parameter		
		Attribute restriction									
Period	Period	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Period. 1					
	<input type="checkbox"/> Period	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>						
Staff	Staff	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Dimension					
	<input type="checkbox"/> Staff	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>						
SalaryTur	SalaryTurnover	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>						
	<input type="checkbox"/> Salary Turnover	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>						

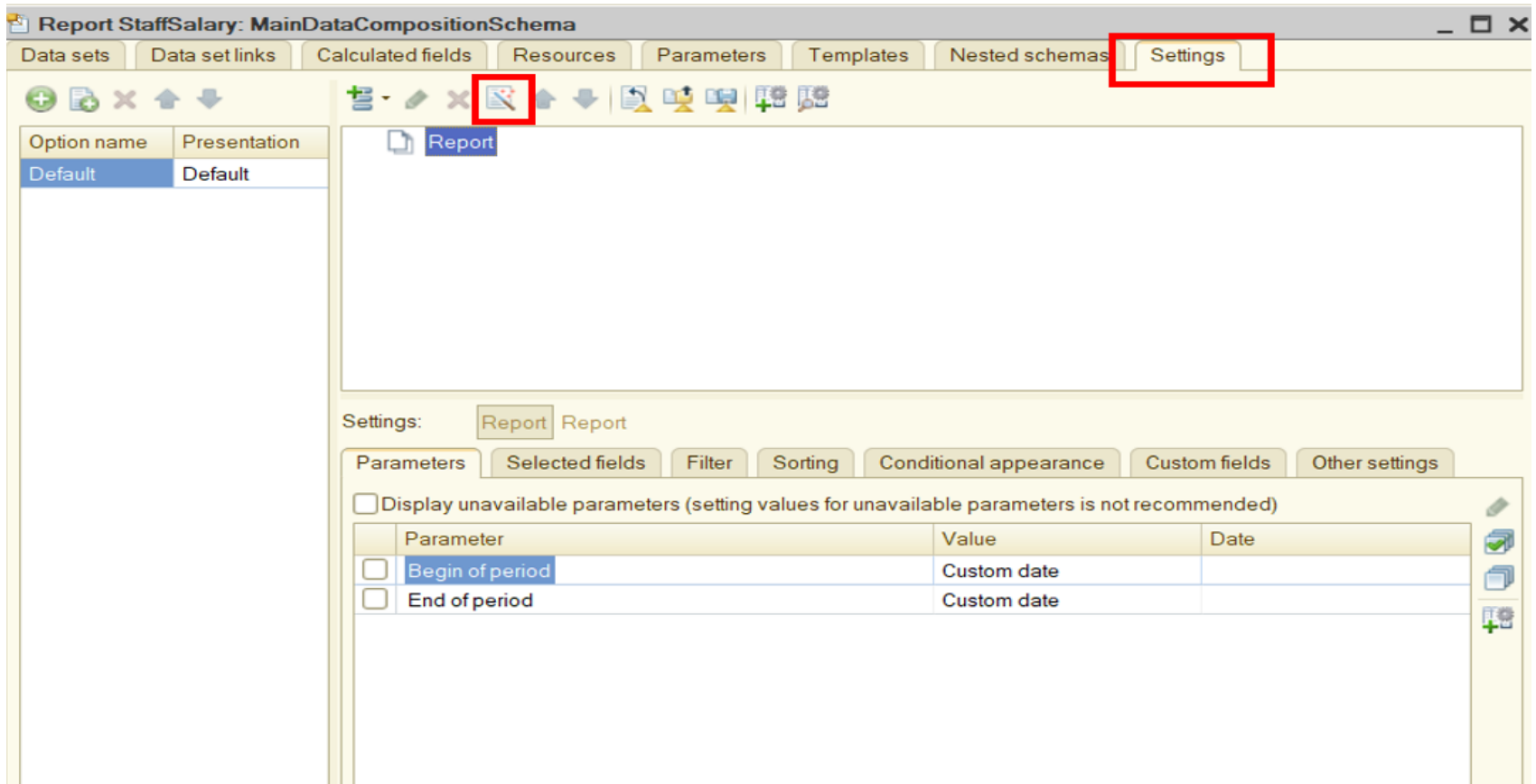
At the bottom of the window, there are two checked options: 'Autofill' and 'Use query grouping if applicable'.

B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Di chuyển sang tab Settings và chọn



Open settings wizard



Report StaffSalary: MainDataCompositionSchema

Data sets | Data set links | Calculated fields | Resources | Parameters | Templates | Nested schemas | **Settings**

Option name | Presentation
Default | Default

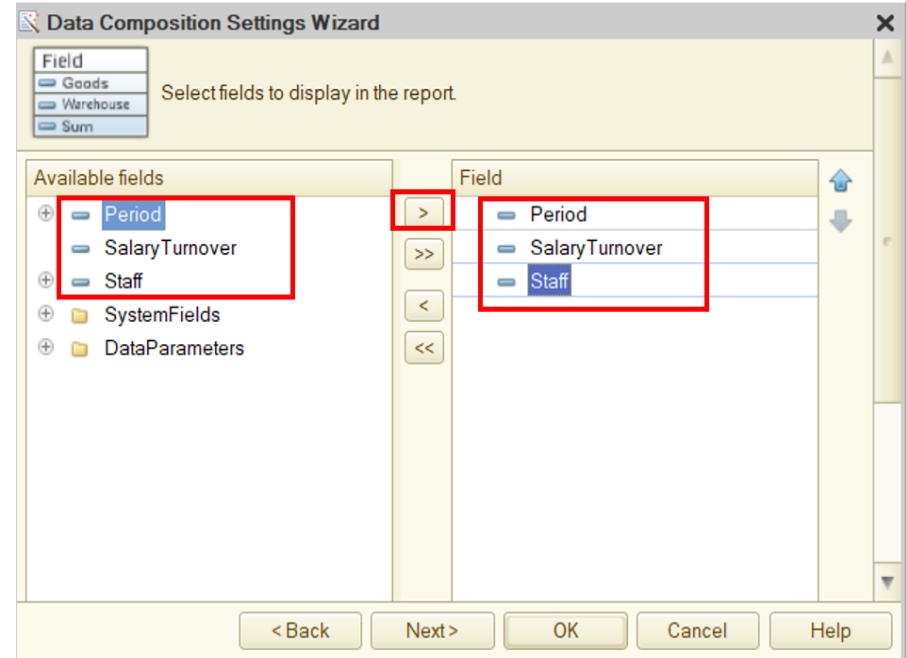
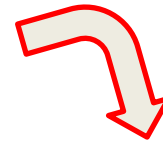
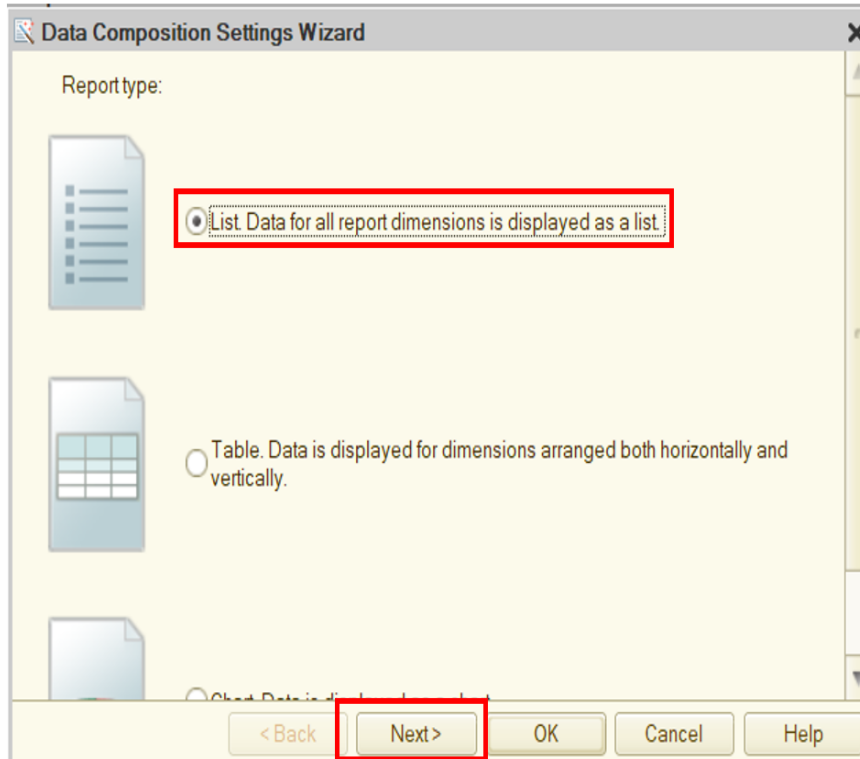
Settings: Report Report

Parameters | Selected fields | Filter | Sorting | Conditional appearance | Custom fields | Other settings

Display unavailable parameters (setting values for unavailable parameters is not recommended)

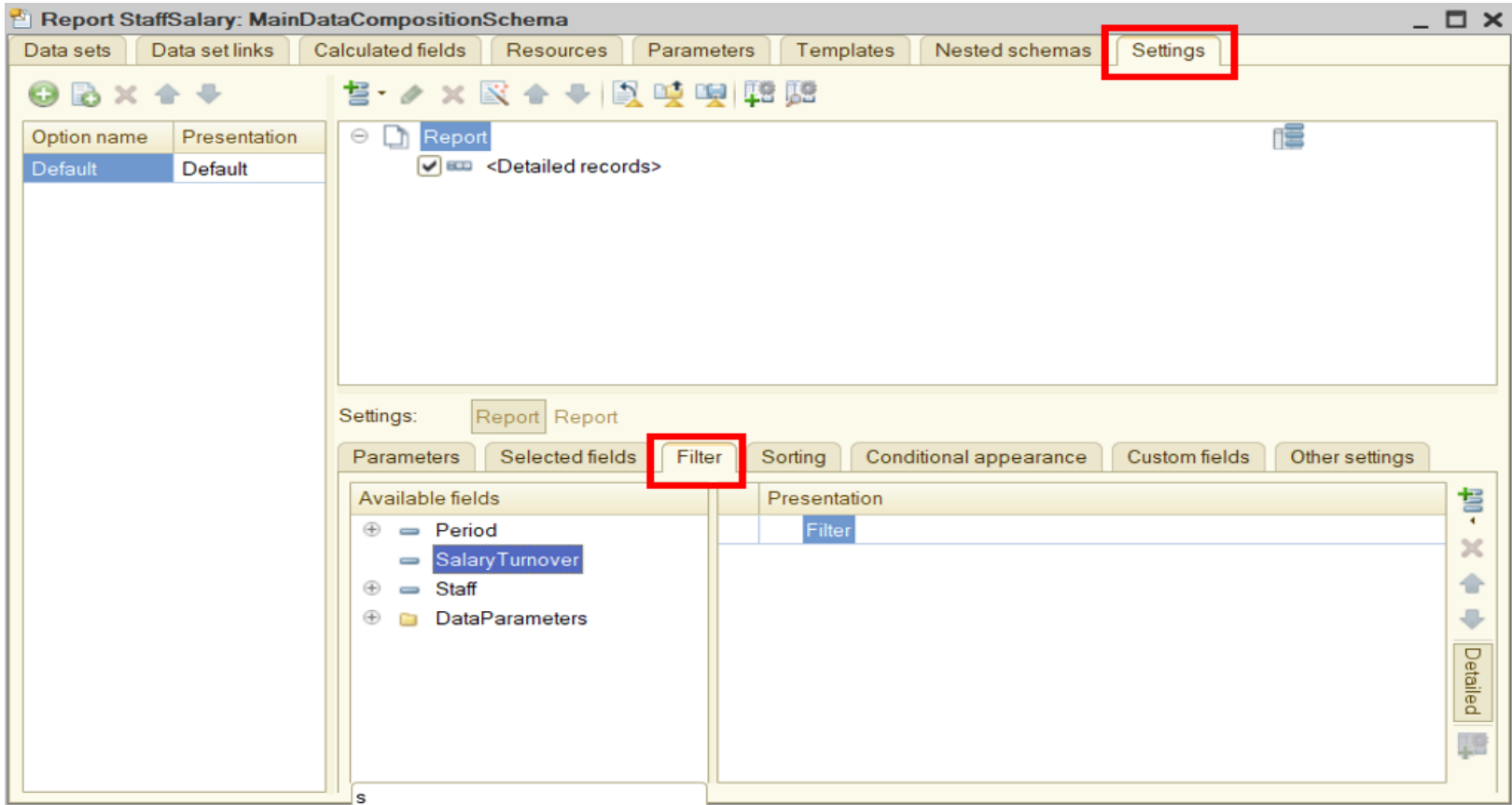
Parameter	Value	Date
<input type="checkbox"/> Begin of period	Custom date	
<input type="checkbox"/> End of period	Custom date	

B3: Tạo báo cáo StaffSalary



B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Chọn vào tab Settings và tab Filter bên trong đó



The screenshot displays the 'Report StaffSalary: MainDataCompositionSchema' application window. The 'Settings' tab is selected and highlighted with a red box. Within the Settings panel, the 'Filter' sub-tab is also highlighted with a red box. The interface includes a table for 'Option name' and 'Presentation', a 'Report' section with a checked '<Detailed records>' option, and a 'Settings' section with sub-tabs for 'Parameters', 'Selected fields', 'Filter', 'Sorting', 'Conditional appearance', 'Custom fields', and 'Other settings'. The 'Filter' sub-tab shows 'Available fields' (Period, Salary Turnover, Staff, DataParameters) and a 'Presentation' table with a 'Filter' entry.

Option name	Presentation
Default	Default

Report

<Detailed records>

Settings: Report Report

Parameters Selected fields **Filter** Sorting Conditional appearance Custom fields Other settings

Available fields

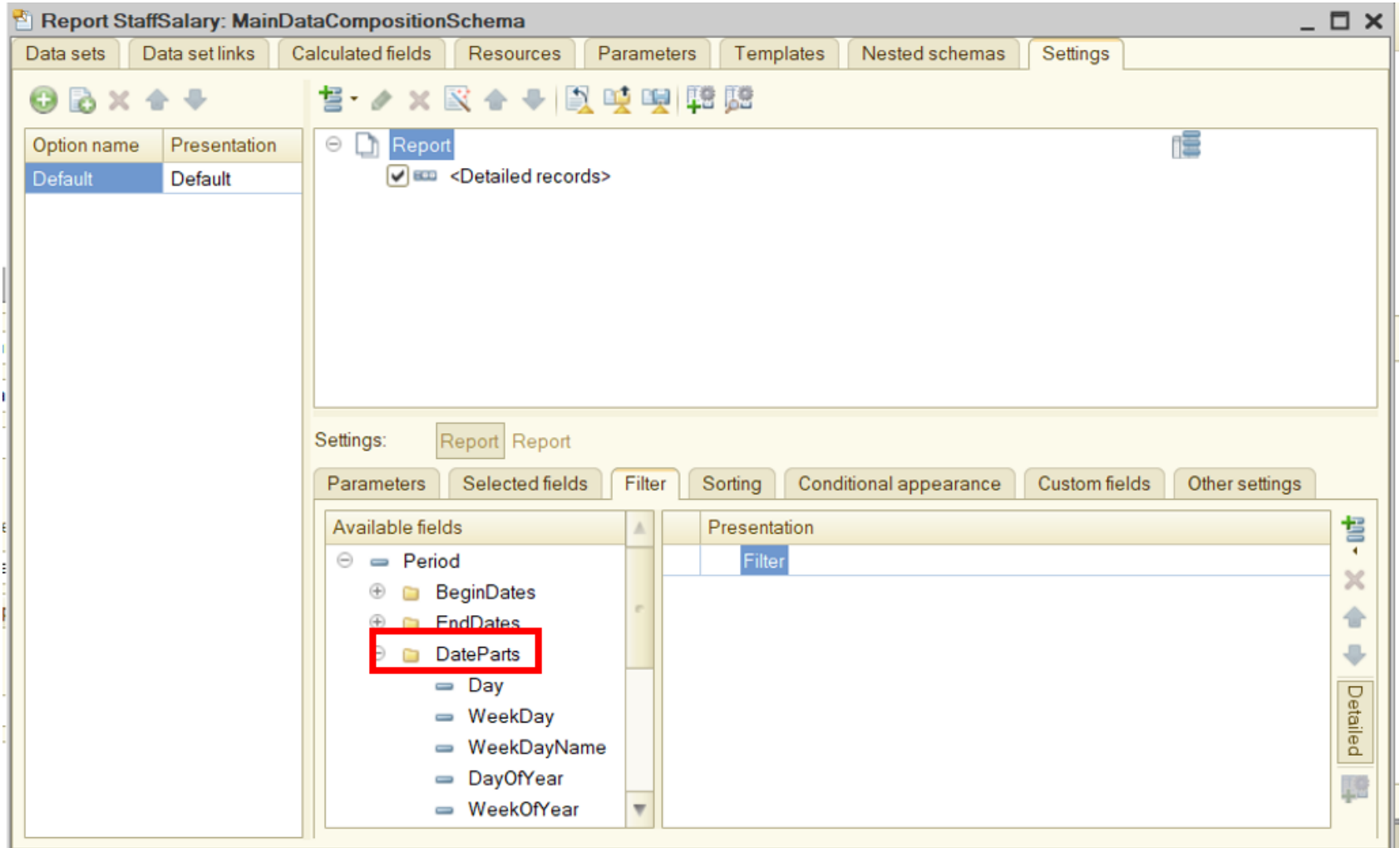
- Period
- Salary Turnover
- Staff
- DataParameters

Presentation

Presentation
Filter

B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Chọn vào DateParts để xác định kỳ của báo cáo



The screenshot shows the 'Report StaffSalary: MainDataCompositionSchema' window. The 'Settings' tab is selected, and the 'Filter' sub-tab is active. The 'Available fields' list on the left contains the following items:

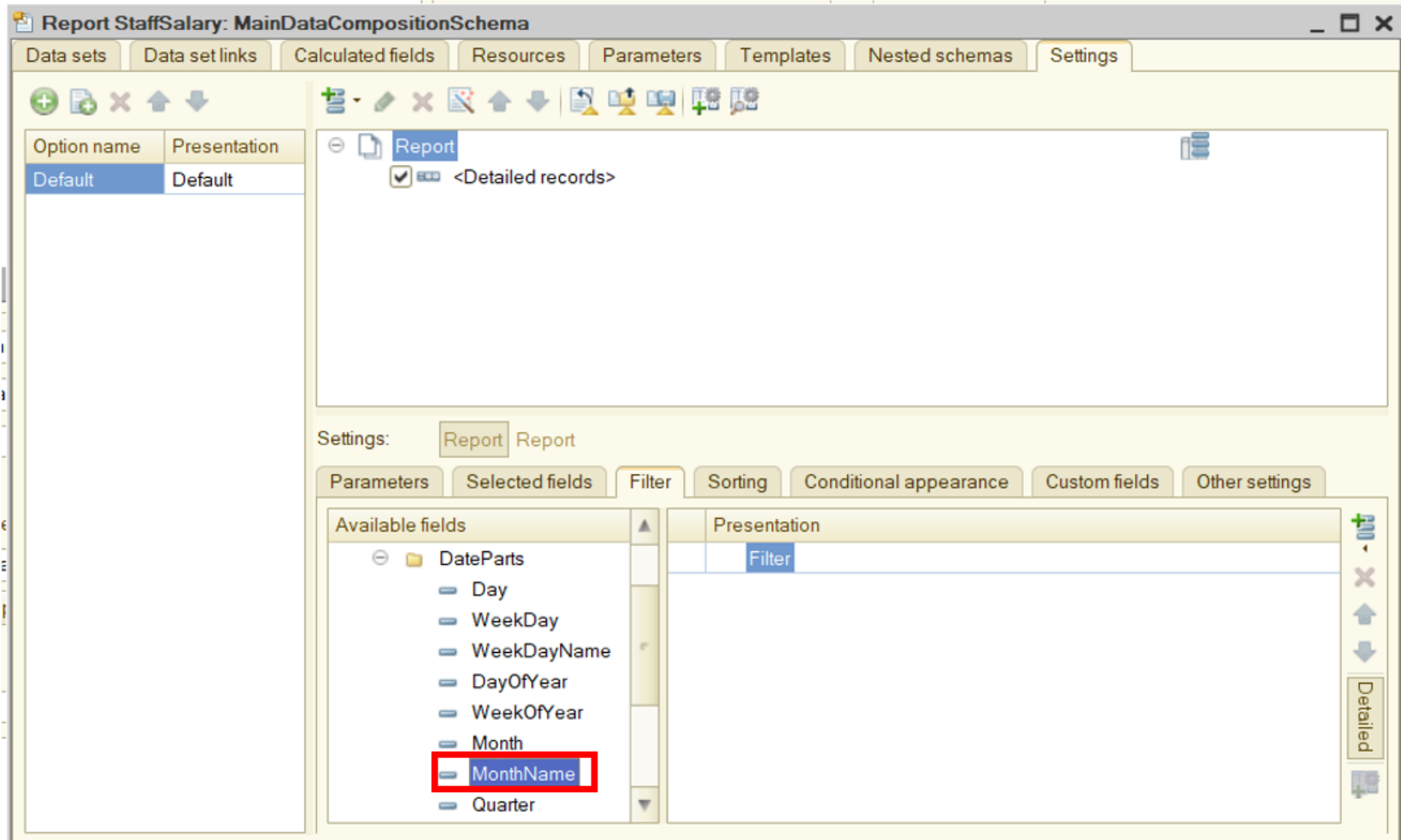
- Period
- BeginDates
- EndDates
- DateParts** (highlighted with a red rectangle)
 - Day
 - WeekDay
 - WeekDayName
 - DayOfYear
 - WeekOfYear

The 'Presentation' table on the right shows the following data:

Presentation
Filter

B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Click đúp để chọn ra MonthName (tên tháng)



The screenshot shows the 'Report StaffSalary: MainDataCompositionSchema' window. The 'Settings' tab is selected, and the 'Filter' sub-tab is active. The 'Available fields' list on the left contains the following items:

- [-] DateParts
 - [-] Day
 - [-] WeekDay
 - [-] WeekDayName
 - [-] DayOfYear
 - [-] WeekOfYear
 - [-] Month
 - [-] MonthName** (highlighted with a red box)
 - [-] Quarter

The 'Presentation' table on the right shows the following data:

Filter

B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Và Year (năm)

Report StaffSalary: MainDataCompositionSchema

Data sets | Data set links | Calculated fields | Resources | Parameters | Templates | Nested schemas | Settings

Option name | Presentation

Default	Default
---------	---------

Report

<Detailed records>

Settings: Report Report


Parameters | Selected fields | Filter | Sorting | Conditional appearance | Custom fields | Other settings

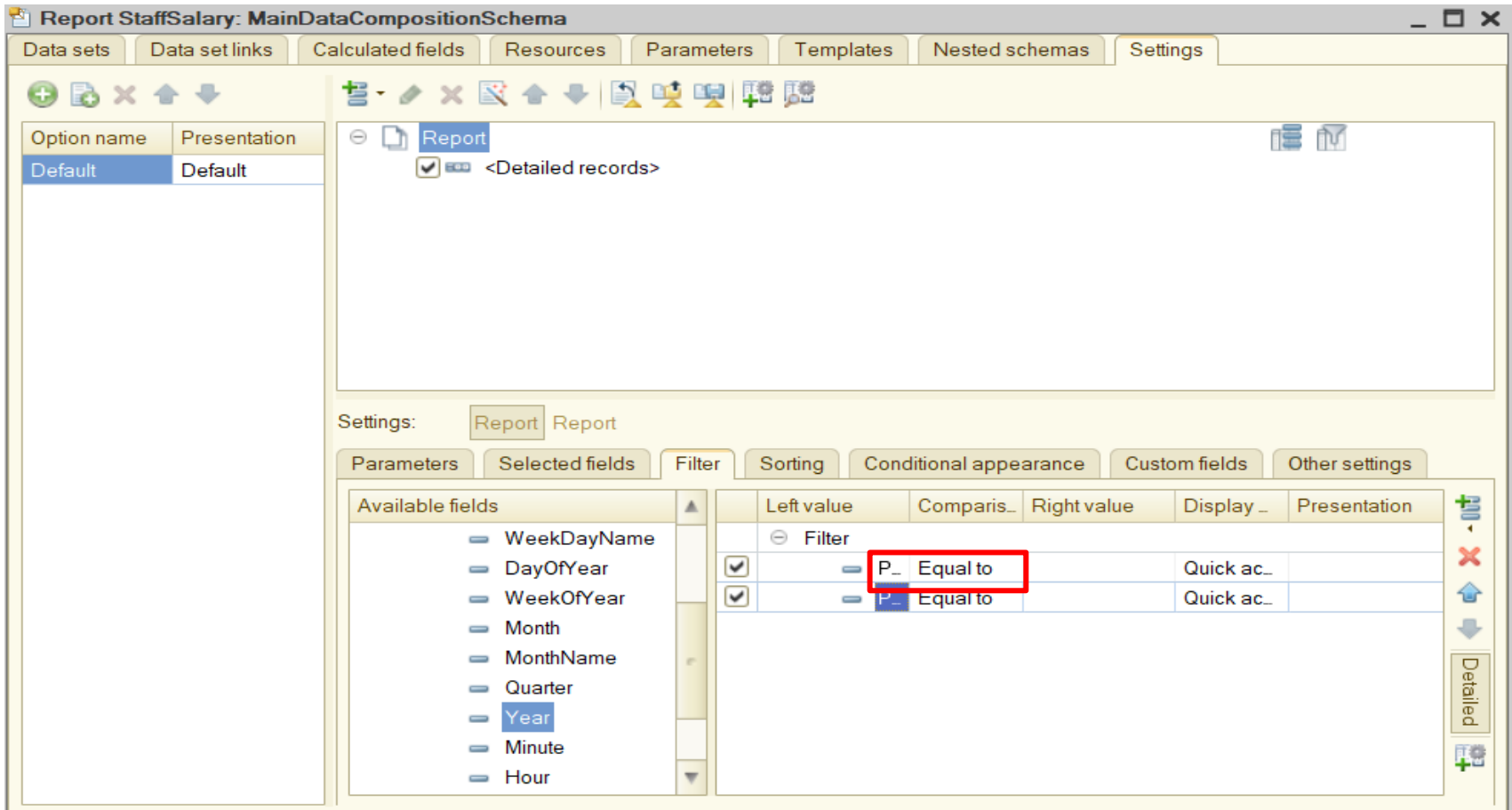
Available fields	Left value	Comparis..	Right value	Display ..	Presentation
<input type="checkbox"/> WeekDayName					
<input type="checkbox"/> DayOfYear					
<input type="checkbox"/> WeekOfYear					
<input type="checkbox"/> Month					
<input type="checkbox"/> MonthName					
<input type="checkbox"/> Quarter					
<input checked="" type="checkbox"/> Year					
<input type="checkbox"/> Minute					
<input type="checkbox"/> Hour					

Filter	Left value	Comparis..	Right value	Display ..	Presentation
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> P_	Equal to		Quick ac..	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/> P_	Equal to		Quick ac..	

Detailed

B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Chọn vào điều kiện lọc Month name, rồi chọn vào  để thiết lập việc hiển thị bộ lọc này trên báo cáo



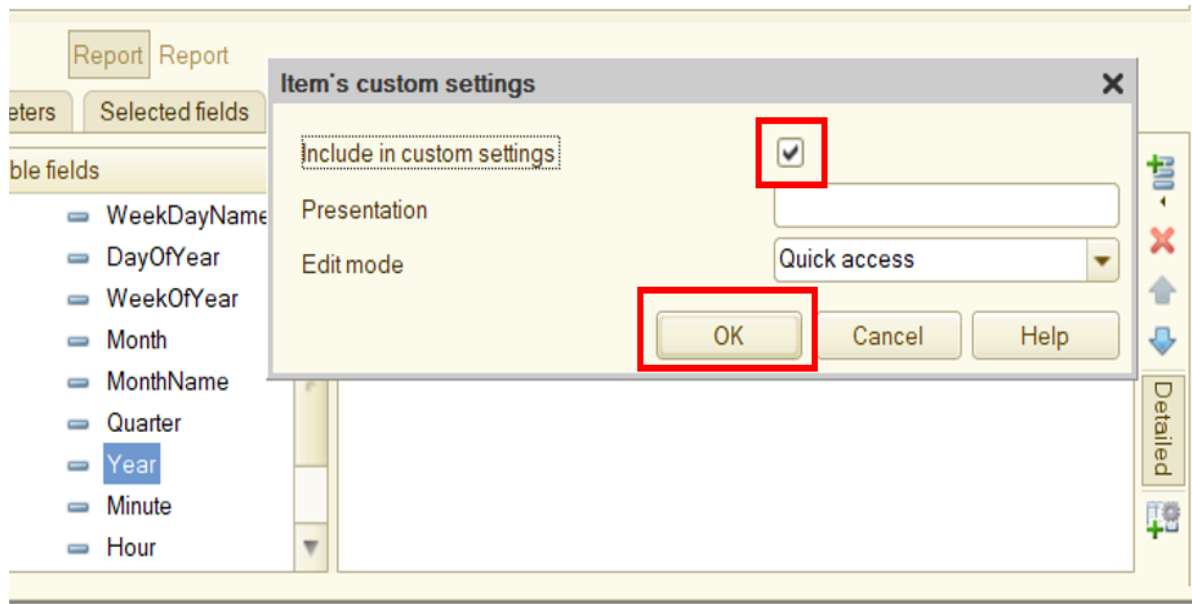
The screenshot shows the 'Report StaffSalary: MainDataCompositionSchema' interface. The 'Settings' tab is active, and the 'Filter' sub-tab is selected. The 'Available fields' list includes 'MonthName'. The 'Filter' table shows two filter rules, both set to 'P_' Equal to, with the first rule highlighted by a red box.

Available fields	Left value	Comparis_	Right value	Display _	Presentation
WeekDayName					
DayOfYear					
WeekOfYear					
Month					
MonthName					
Quarter					
Year					
Minute					
Hour					

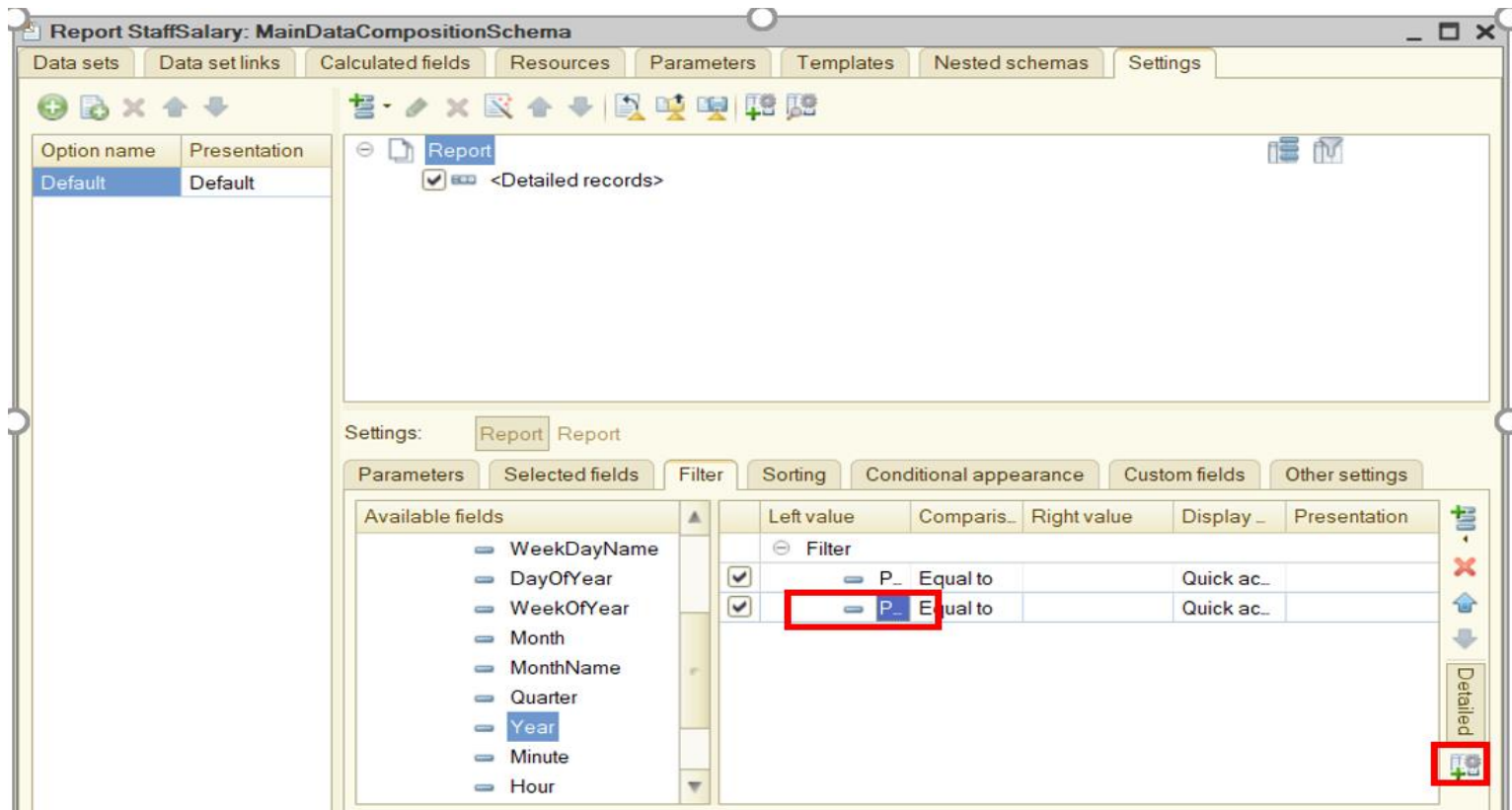
Filter	Left value	Comparis_	Right value	Display _	Presentation
<input checked="" type="checkbox"/>	P_	Equal to		Quick ac_	
<input checked="" type="checkbox"/>	P_	Equal to		Quick ac_	

B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Click vào Include in custom settings



Làm tương tự với bộ lọc Year



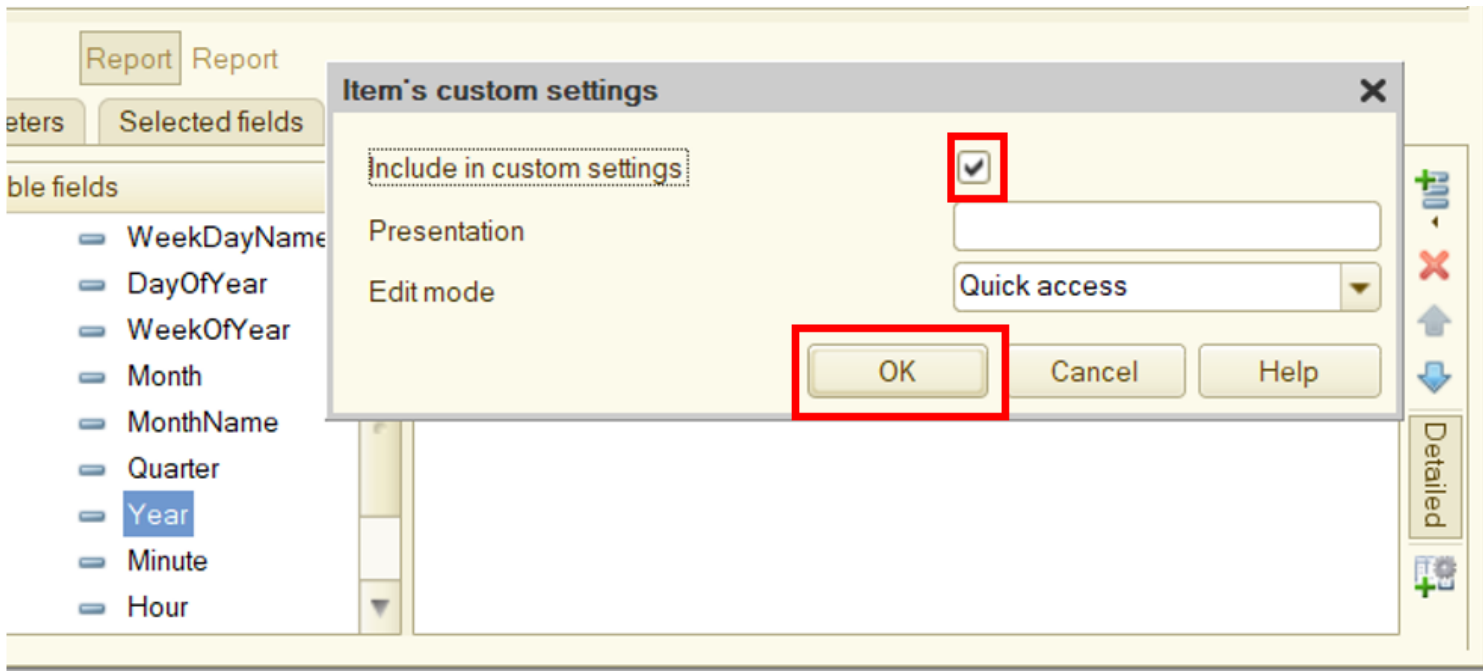
The screenshot shows the 'Report StaffSalary: MainDataCompositionSchema' application window. The 'Settings' tab is active, and the 'Filter' sub-tab is selected. In the 'Available fields' list, 'Year' is highlighted. The 'Filter' table below shows two entries, both with 'P_' in the 'Left value' column and 'Equal to' in the 'Comparis...' column. The second entry's 'Left value' is highlighted with a red box. On the right side of the interface, the 'Detailed' view icon is also highlighted with a red box.

Option name	Presentation
Default	Default

Left value	Comparis...	Right value	Display _	Presentation
<input checked="" type="checkbox"/>	P_ Equal to		Quick ac...	
<input checked="" type="checkbox"/>	P_ Equal to		Quick ac...	

B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Click vào Include in custom settings





B3: Tạo báo cáo StaffSalary

Sau đó chạy thử báo cáo ở giao diện người dùng

Chọn ngày tháng sẽ thấy báo cáo lương được hiển thị như hình dưới:

The screenshot shows the ERP Simple (1C:Enterprise) interface. The top navigation bar includes 'Contact type', 'Customers', 'Luân chuyển hàng hóa nội bộ', 'POS', 'Products', 'Purchases', 'Sales', 'Staffs', 'Suppliers', 'More actions', and 'Reports'. The 'Reports' dropdown menu is open, showing 'Inventory', 'Revenue', and 'Staff salary' (highlighted with a red box).

The 'Staff salary' report configuration screen is shown below. It features a 'Run report' button (highlighted with a red box), 'Select option...' and 'Settings...' buttons, and a 'More actions' dropdown. The 'Period.Date parts.Month name' is set to 'August' and 'Period.Date parts.Year' is set to '2,021', both with checkmarks indicating they are selected. A filter is applied: 'Filter: Period.Date parts.Month name Equal to "August" AND Period.Date parts.Year Equal to "2,021"'. The report results are displayed in a table (highlighted with a red box):

Period.Month	Staff	Salary Turnover
	8 Nguyễn Văn Hương	800,100.00



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://1c.com.vn/vn>
2. <https://1c-dn.com/download-trial/>